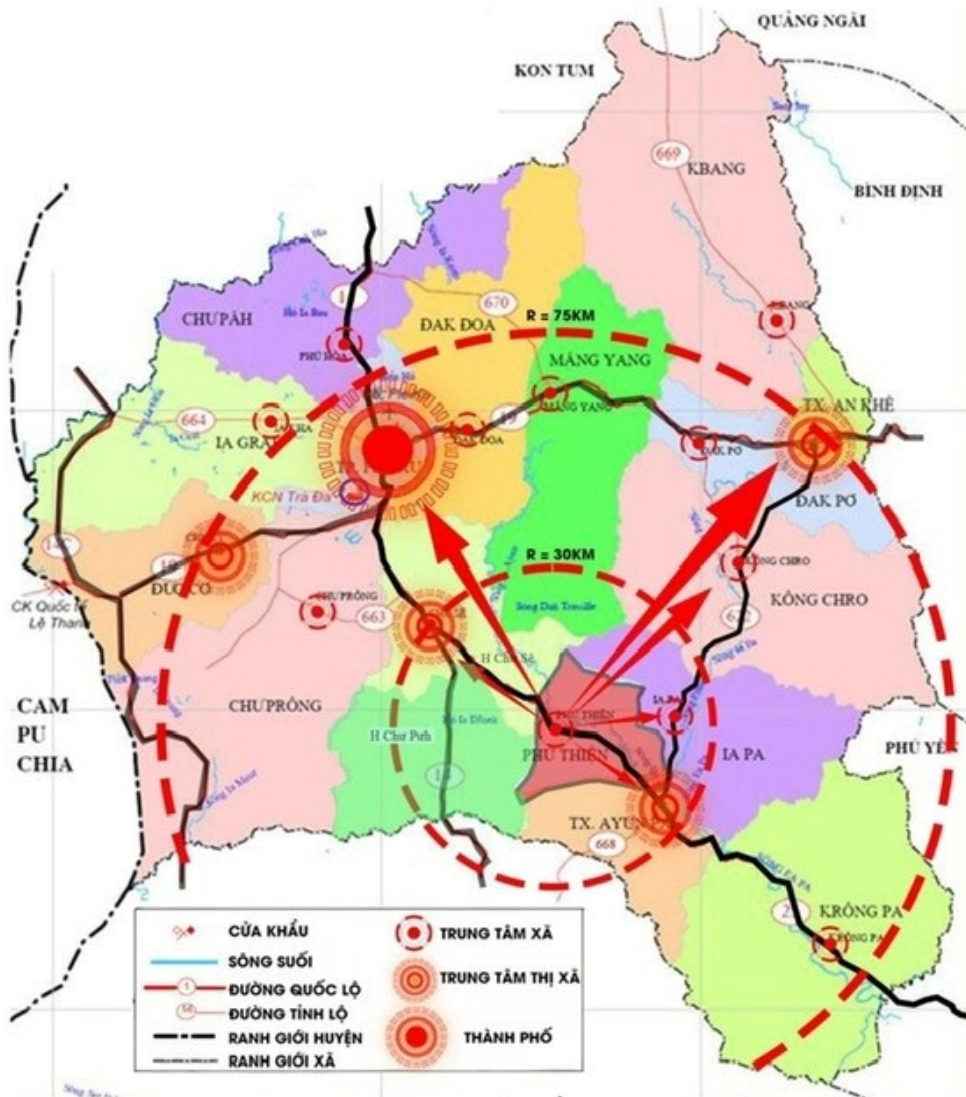


NHIỆM VỤ

QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHIỆM VỤ

**QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN PHÚ
THIỆN, TỈNH GIA LAI ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN
ĐẾN NĂM 2050**

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Phú Thiện
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai
- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Gia Lai

Gia Lai, ngày tháng năm 2024
CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
UBND TỈNH GIA LAI

Gia Lai, ngày tháng năm 2024
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
SỞ XÂY DỰNG TỈNH GIA LAI

Phú Thiện, ngày tháng năm 2024
CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT
UBND HUYỆN PHÚ THIỆN

Phú Thiện, ngày tháng năm 2024
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
UBND HUYỆN PHÚ THIỆN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2024
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CTY TNHH MTV TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
KIẾN THỊNH AN

MỤC LỤC

Phần 1: LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH	4
I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT	4
II. NHỮNG CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH:.....	5
III. PHẠM VI NGHIÊN CỨU VÀ NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN PHÚ THIỆN.....	8
Phần 2: ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ, ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, HIỆN TRẠNG VÀ CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN.....	10
I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN	10
II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	19
III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI	21
IV. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN.	24
V. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI.....	26
VI. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG.....	27
VII. ĐÁNH GIÁ CÁC QUY HOẠCH VÀ CÁC DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI	31
Phần 3: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG CỦA VÙNG HUYỆN PHÚ THIỆN	35
I. QUAN ĐIỂM	35
II. MỤC TIÊU.....	35
III. TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG	35
Phần 4: ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN; DỰ BÁO SƠ BỘ VỀ: DÂN SỐ, ĐẤT ĐAI, TỶ LỆ ĐÔ THỊ HÓA, PHÁT TRIỂN KINH TẾ; ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN CÁC CHỈ TIÊU VỀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT, HẠ TẦNG XÃ HỘI THEO TỪNG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN	37
I. CÁC TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN	37
II. ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN.....	38
III. CÁC DỰ BÁO.....	38
IV. CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CHỦ YẾU.....	40
Phần 5: NỘI DUNG, YÊU CẦU NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN PHÚ THIỆN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	45
I. YÊU CẦU MỨC ĐỘ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT, THU THẬP TÀI LIỆU, SỐ LIỆU, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÙNG HUYỆN	45

II. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN PHÚ THIỆN.....	47
Phần 6: HỒ SƠ SẢN PHẨM.....	51
I. HỒ SƠ SẢN PHẨM NHIỆM VỤ QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN:	51
II. HỒ SƠ SẢN PHẨM ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG.....	51
III. DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP ĐỒ ÁN QHXD VÙNG HUYỆN.....	52
IV. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN.....	52
V. LẤY Ý KIẾN VỀ ĐỒ ÁN QUY HOẠCH	52
VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	53
Phần 7: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	54

Phần 1: LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Giới thiệu tổng quan về tỉnh Gia Lai

Gia Lai thuộc khu vực phía Bắc Tây Nguyên, là tỉnh trong vùng Tây Nguyên và vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, nằm liền kề vùng Duyên Hải Trung bộ & vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng Duyên hải Nam Trung bộ. Diện tích tự nhiên là 15.510,13 km², chiếm khoảng 28,39% diện tích vùng Tây Nguyên (diện tích tự nhiên lớn nhất so với 5 tỉnh trong vùng Tây Nguyên, đứng thứ 2 so với 63 tỉnh thành cả nước sau tỉnh Nghệ An), chiếm khoảng 5,0% diện tích cả nước; Quy mô dân số năm 2022 hơn 1,5 triệu người (dân số đứng thứ 2 so với 5 tỉnh trong vùng Tây Nguyên sau tỉnh Đắk Lắk, đứng thứ 17 so với 63 tỉnh thành cả nước).

Gia Lai có 17 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: 1 thành phố (TP. Pleiku); 2 thị xã (thị xã An Khê và thị xã Ayun Pa); và 14 huyện (Kbang, Đak Đoa, Chư Păh, Ia Grai, Mang Yang, Kông Chro, Đức Cơ, Chư Prông, Chư Sê, Đak Pơ, Ia Pa, Krông Pa, Phú Thiện, Chư Puh).

Gia Lai có vị trí khá thuận lợi, cách thành phố Hồ Chí Minh 500km, cách thành phố Đà Nẵng 364km, cách thành phố Buôn Ma Thuột 174km, thành phố Quy Nhơn 161km, thành phố Tuy Hòa 203km, đặc biệt giáp tỉnh Ratanakiri- Campuchia (tại cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh), cách cửa khẩu Bờ Y – tỉnh Kon Tum (Việt – Lào) 128km. Kết nối bởi các tuyến Quốc lộ 14, 14C, 19, 25, đường Trường Sơn Đông và sân bay Pleiku.

Là vùng có vị trí địa kinh tế chính trị quan trọng, tầm chiến lược Quốc gia và Quốc tế:

+ Vùng có vai trò phòng hộ đầu nguồn, vùng đệm an toàn cho khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, bảo vệ đa dạng sinh học của Quốc gia và khu vực Tây Nguyên.

+ Trung tâm khu vực Tiểu vùng Bắc Tây Nguyên và là Vùng động lực trong tam giác phát triển 03 nước Việt Nam - Lào - Campuchia. Nằm trên các trục hành lang kinh tế đô thị Quốc gia, Quốc tế: kết nối tỉnh Gia Lai với vùng Tây Nguyên, vùng Duyên Hải Nam Trung bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (vùng TP Hồ Chí Minh) trên cơ sở các tuyến giao thông chính như: Quốc lộ 14, 19, 25; đường Hồ Chí Minh, đường Đông Trường Sơn, đầu mối giao thông sân bay Pleiku, Đặc biệt cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh, Quốc lộ 19 kết nối tỉnh Gia Lai với nước Campuchia.

+ Vùng có tiềm năng phát triển nông nghiệp đặc thù, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến – phụ trợ, du lịch sinh thái rừng – sông hồ, du lịch văn hóa - lịch sử. Phát triển năng lượng mặt trời.

2. Tổng quan về huyện Phú Thiện

Huyện Phú Thiện được thành lập theo Nghị định số 50/2007/NĐ-CP ngày 30/03/2007 của Chính phủ. Theo Nghị định này, huyện Ayun Pa cũ được chia tách để thành lập thị xã Ayun Pa (phía Đông) và huyện Phú Thiện (phía

tây), huyện Phú Thiện nằm ở phía Đông Nam tỉnh Gia Lai, trên đường Quốc lộ 25 nối từ thị trấn Chư Sê đi Tuy Hòa (tỉnh Phú Yên), huyện Phú Thiện nằm gọn trong lòng chảo nơi có con sông Yun bắt nguồn từ cao nguyên Kon Tum chảy qua.

3. Lý do lập quy hoạch xây dựng vùng

Huyện Phú Thiện có lợi thế về sản xuất lúa nước với mạng lưới sông suối và kênh thủy lợi từ hồ Ayun Hạ. Là huyện có mật độ dân số thấp, người đồng bào chiếm tỷ lệ lớn.

Trước đây, trong vùng tỉnh Gia Lai và vùng Tây Nguyên vai trò của huyện Phú Thiện trong mối liên hệ vùng chưa thực sự nổi bật. Do những ngày đầu thành lập, Phú Thiện đối mặt với những khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, trải qua hơn 15 năm thành lập và phát triển huyện đã có những cố gắng vượt bậc trong xây dựng và phát triển nông nghiệp với cánh đồng mẫu lớn, thương hiệu Gạo Phú Thiện nổi tiếng cả nước cũng như lĩnh vực chế biến nông lâm sản dẫn đầu trong khu vực Đông Nam tỉnh Gia Lai. Việc phát triển đúng hướng đã góp phần nâng cao đời sống người dân trên địa bàn huyện.

Trong giai đoạn phát triển tiếp theo để phù hợp với định hướng quy hoạch của tỉnh, kết nối phát triển với các huyện, thị xã lân cận như huyện Chư Sê, thị xã Ayun Pa thì huyện Phú Thiện cần thiết phải lập quy hoạch chung xây dựng vùng huyện. Và quy hoạch vùng huyện cũng là công cụ điều phối, kiểm soát quá trình phát triển đô thị, nông thôn; đồng thời tạo sự liên kết và cơ chế thống nhất về quản lý các đồ án quy hoạch khác đã và đang thực hiện như, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất, định hướng phát triển du lịch huyện, quy hoạch công nghiệp, tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh đó trong Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Thiện lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2020 – 2025) có nêu rõ “phấn đấu đến năm 2025 huyện Phú Thiện là huyện nông thôn mới”. Và Quy hoạch vùng huyện cũng là một trong những tiêu chí để đạt huyện nông thôn mới.

Vì vậy, quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Thiện là việc làm hết sức cần thiết.

II. NHỮNG CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH:

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Quy hoạch 2017 số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị quyết 61/2022/QH15 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030.
- Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định

chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hoá, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao.

- Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 29/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt Nam - Campuchia đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030;

- Quyết định số 2162/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch vùng Tây Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1194/QĐ-TTg ngày 22/07/2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Tây Nguyên đến năm 2030;

- Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành văn hoá tỉnh Gia Lai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành thể dục thể thao tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 04/08/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch tỉnh Gia Lai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Kế hoạch số 1484/KH-UBND ngày 03/7/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc lập quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022;

- Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai;

- Công văn số 242/UBND-CNXD ngày 06/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lập quy hoạch xây dựng vùng huyện trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 233/SXD-QLQH ngày 10/02/2023 của Sở Xây dựng tỉnh về việc triển khai lập quy hoạch xây dựng vùng huyện trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 20/10/2022 của HĐND huyện Phú Thiện về việc phân bổ vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 trên địa bàn huyện;

- Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023;

- Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện về việc phân bổ vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM năm 2022 trên địa bàn huyện;

- Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Thiện về việc chuyển nguồn kinh phí từ năm 2022 sang năm 2023 tiếp tục sử dụng (đợt 01);

- Quyết định số 1750/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050;
- Các Văn bản khác của UBND tỉnh Gia Lai, các Sở, Ngành liên quan về việc xây dựng huyện nông thôn mới;

2. Các nguồn tài liệu, số liệu

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai, nhiệm kỳ 2021 - 2025;
- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Thiện lần thứ XIX ngày 30/06/2020;
- Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 13/12/2021 của UBND huyện Phú Thiện về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng 5 năm 2021-2025 của huyện Phú Thiện;
- Các Quy hoạch của vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung - Tây Nguyên và của tỉnh Gia Lai có liên quan đến huyện Phú Thiện;
- Dự thảo Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Niên giám thống kê tỉnh Gia Lai và huyện Phú Thiện các năm 2021;
- Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phú Thiện;
- Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai;
- Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai;
- Các dự án đang triển khai trên địa bàn huyện;
- Các tiêu chuẩn ngành và các tài liệu, số liệu có liên quan khác...

3. Các nguồn bản đồ

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất huyện Phú Thiện;
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Thiện;
- Bản đồ quy hoạch chung thị trấn Phú Thiện;
- Bản đồ quy hoạch chung Nông thôn mới 09 xã của huyện Phú Thiện;
- Bản đồ quy hoạch rừng huyện Phú Thiện;
- Bản đồ các dự án khác có liên quan đến huyện Phú Thiện.

III. PHẠM VI NGHIÊN CỨU VÀ NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN PHÚ THIỆN

1. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi lập quy hoạch: Trong phạm vi ranh giới huyện Phú Thiện, bao gồm thị trấn Phú Thiện và 09 xã gồm: Chư A Thai, Ayun Hạ, Ia AKe, Ia Sol, Ia Piar, Ia Yeng, Ia Peng, Chrôh Ponan, Ia Hiao.

- Giới cận:

+ Phía Đông giáp: Huyện Ia Pa;

- + Phía Tây giáp: Huyện Chư Puh;
 - + Phía Nam giáp: Thị xã Ayun Pa và huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk;
 - + Phía Bắc và Tây Bắc giáp: Huyện Chư Sê.
- Tổng diện tích tự nhiên 505,168km².

2. Loại hình lập quy hoạch

- Tên gọi loại hình quy hoạch: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Giai đoạn lập quy hoạch: Đến năm 2030.
- Tầm nhìn quy hoạch: Đến năm 2050.

3. Nhiệm vụ quy hoạch

- Xác định mô hình định hướng phát triển không gian huyện và các khu vực giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.
- Đánh giá thực trạng và tiềm năng, lợi thế cũng như hạn chế của huyện.
- Dự báo cơ cấu phát triển dân số, lao động sản xuất, đất đai đô thị - nông thôn và các chỉ tiêu đô thị hoá cho các giai đoạn phát triển.
- Đề xuất hệ thống tổ chức không gian huyện, các đô thị trung tâm, các điểm dân cư đô thị - nông thôn và định hướng phát triển công nghiệp, nông nghiệp (nông - lâm - thủy sản); phát triển các trung tâm chuyên ngành khác như giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá - thể thao; thương mại - dịch vụ và du lịch.
- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật như giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, chất thải rắn, đánh giá tác động môi trường chiến lược,
- Đề xuất các chương trình dự án ưu tiên đầu tư phát triển và cơ cấu điều hành thực hiện, kiểm soát phát triển.

Phần 2: ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ, ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, HIỆN TRẠNG VÀ CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý, vai trò, vị thế, tiềm năng thế mạnh của vùng huyện

1.1. Vị trí địa lý

- Huyện Phú Thiện nằm ở phía Đông Nam tỉnh Gia Lai, trên đường Quốc lộ 25 nối từ thị trấn Chư Sê đi Tuy Hòa (tỉnh Phú Yên), ranh giới huyện Phú Thiện nằm gọn trong lòng chảo nơi có con sông Yun bắt nguồn từ cao nguyên Kon Tum chảy qua. Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là: 50.516,8 ha.

- Phú Thiện có 10 đơn vị hành chính, bao gồm: Thị trấn Phú Thiện và 9 xã gồm xã Ayun Hạ, Chư A Thai, Ia Ake, Ia Sol, Ia Piar, Ia Peng, Chrôh Ponan, Ia Hiao, Ia Yeng. Thị trấn Phú Thiện là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, của huyện.

- Thị trấn Phú Thiện là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, của huyện.

1.2. Vai trò, vị thế, tiềm năng thế mạnh của vùng huyện

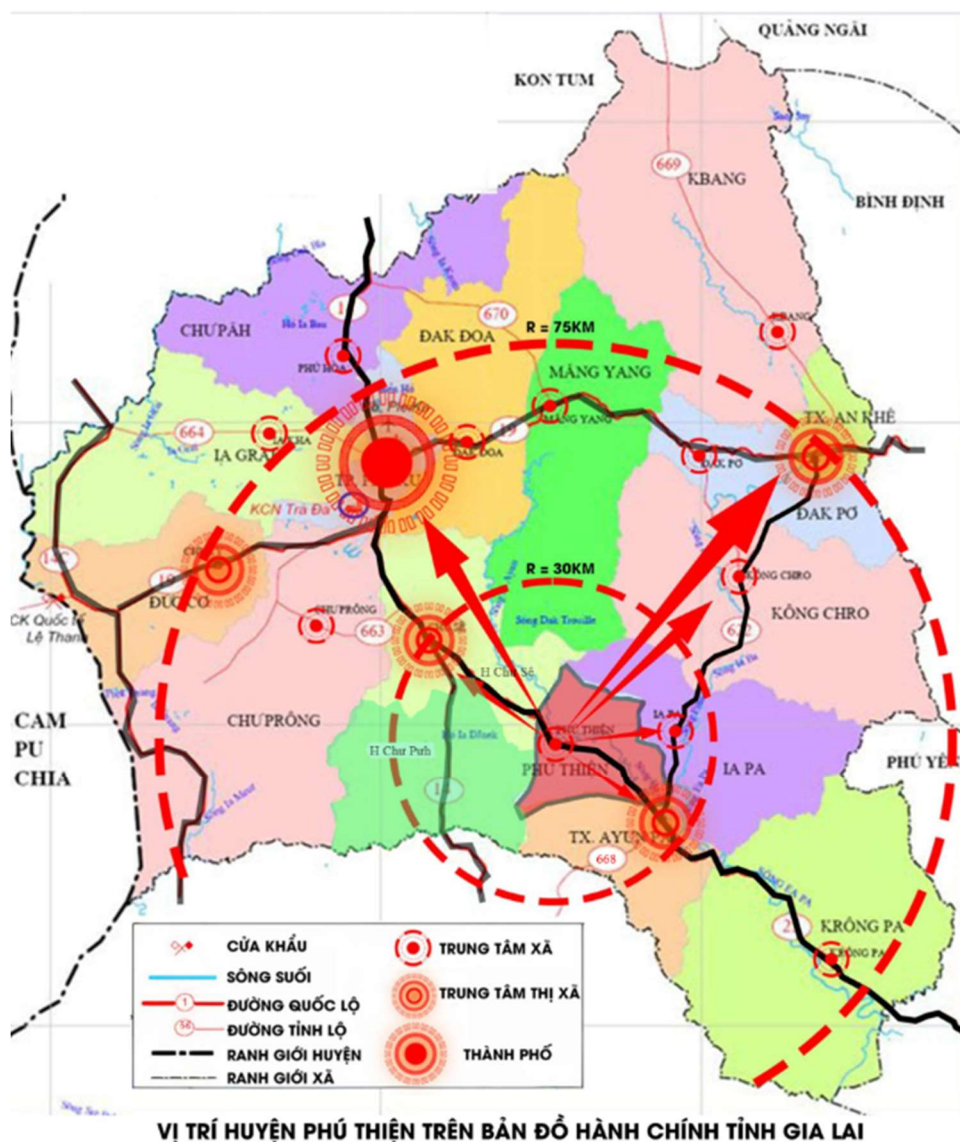
Là huyện nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Gia Lai, đồng thời lại có Quốc lộ 25 chạy dài và xuyên suốt theo hướng Nam - Bắc, tỉnh lộ 668 (17 km), từ quốc lộ 25, huyện Phú Thiện đi về tỉnh Đắk Lắk. Đó là điều kiện thuận lợi để trao đổi, giao lưu phát triển kinh tế - xã hội với giữa thành phố Plei ku tỉnh Gia Lai với thành phố Tuy Hòa tỉnh Phú Yên cũng như các địa bàn khác. Có tuyến đường tỉnh 662B kết nối Quốc lộ 25 với đường Trường Sơn Đông tại thị trấn Ia Pa tạo điều kiện giao thương thông qua đường Trường Sơn Đông kết nối Quốc lộ 19 về vùng duyên hải miền trung.

Cơ sở hạ tầng giao thông cũng đã được đầu tư, các trục đường chính và đường trong các khu dân cư phần lớn đã được cứng hoá, giúp cho điều kiện đi lại của nhân dân được cải thiện, là cơ hội cho phát triển các ngành thương mại, kinh tế, từ đó cải thiện đời sống nhân dân.

Kinh tế, xã hội năm 2022 huyện Phú Thiện có nhiều chuyển biến. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của huyện ủy, HĐND và UBND huyện các tổ chức và nhân dân trong huyện đã vượt qua khó khăn, hoàn thành đạt và vượt 32/34 chỉ tiêu chủ yếu.

Tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện theo thống kê tính đến ngày 31/12/2022 là 44.380,952 ha, chiếm 87,85% tổng diện tích đất của toàn huyện. Vì vậy, có thể thấy rõ nền kinh tế của Huyện có tiềm năng phát triển kinh tế kinh tế rất lớn vào ngành nông nghiệp.

Với tiềm năng và lợi thế hiện có về du lịch trên địa bàn huyện như: Di tích lịch sử - văn hóa Plei Ôi, Hồ Ayun Hạ, chùa Quang Sơn, Lễ cầu mưa của Yang Pơ Tao Apui, Hồ Sen ... thì trong những năm gần đây, lượng khách du lịch đến với Phú Thiện ngày một tăng; trong đó đã cơ bản hình thành tuyến du lịch như: Thác Phú Cường (Chư Sê) – Hồ Ayun Hạ (Phú Thiện) - Di tích lịch sử - văn hóa Plei Ôi (Phú Thiện) – Suối đá (Ayun Pa) – Bến mộng (Ayun Pa).



Bản đồ vị trí huyện Phú Thiện

2. Khí hậu

Điều kiện khí hậu của Phú Thiện ngoài những đặc điểm của khu vực Tây Nguyên còn mang đặc điểm riêng của tiểu vùng. Do ảnh hưởng của điều kiện địa hình có dãy núi cao bao bọc xung quanh và ở giữa là thung lũng bằng phẳng thấp đã tạo nên tiểu vùng khí hậu có đặc điểm khô nóng, biên độ nhiệt ngày đêm lớn.

Huyện Phú Thiện nằm về phía Đông dãy Trường Sơn, toàn bộ diện tích huyện Phú Thiện lại ở trong thung lũng sông Yun, nên huyện vừa mang đặc điểm khí hậu cao nguyên lại chịu ảnh hưởng của khí hậu duyên hải.

Khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 chiếm 80 -90% lượng mưa cả năm tập trung vào các tháng 7, tháng 8 và tháng 9, gió thịnh hành vào mùa này là gió Tây. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, hầu như không có mưa hoặc mưa rất ít. Tổng lượng mưa trong năm lớn, biên độ nhiệt giữa ngày và đêm chênh lệch lớn.

- Nhiệt độ:

Trung bình năm : 25,5⁰C.

Nhiệt độ cao nhất : 40,8⁰C.

Nhiệt độ thấp nhất : 8,5⁰C

* Tháng nóng nhất là tháng 3, tháng 4; nhiệt độ bình quân 27 - 28⁰C.

- Lượng mưa Trung bình năm: 1.225 mm

* Số ngày mưa trung bình năm: 144 ngày.

Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11; tháng mưa nhiều nhất là tháng 10, tháng

- Độ ẩm:

Trung bình năm : 80%.

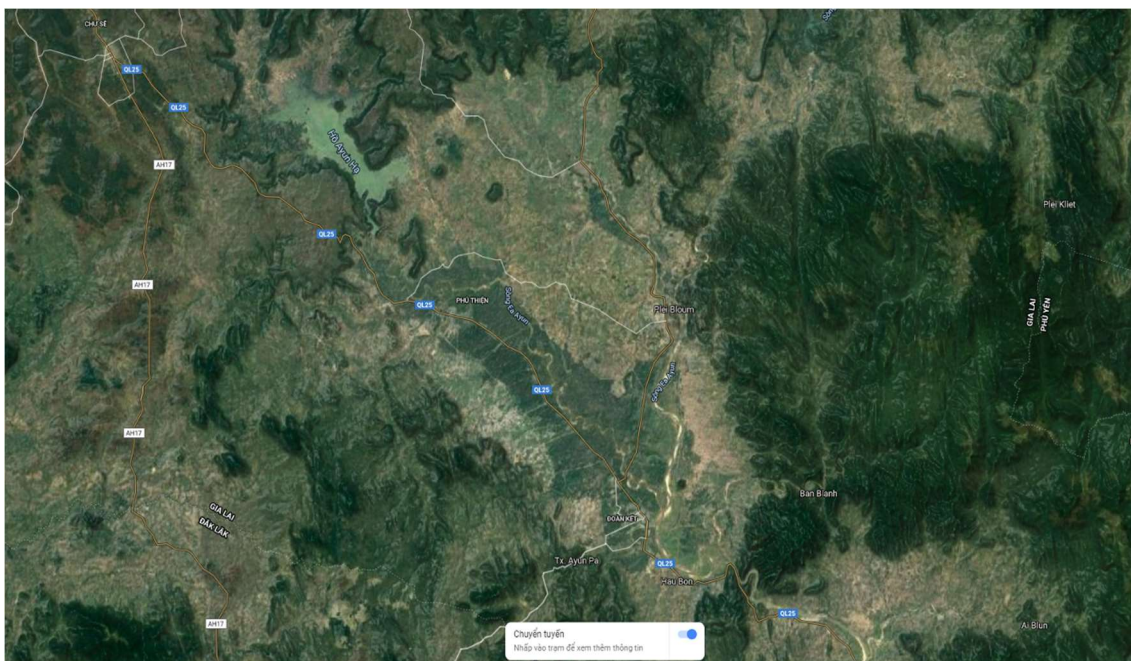
Cao nhất : 89%.

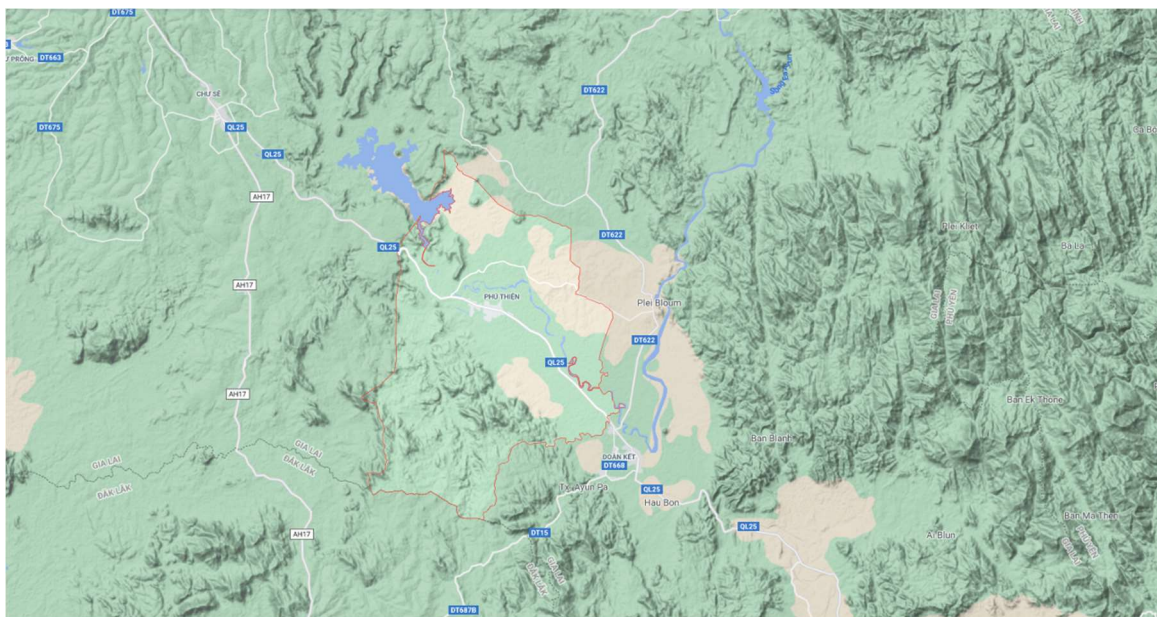
Thấp nhất : 50%.

- Hướng gió: Gió Đông Nam là hướng gió thịnh hành nhất (từ tháng 11 đến tháng 7); Gió Tây và Tây Bắc thổi từ tháng 8 đến tháng 10.

3. Địa hình, địa mạo

Huyện Phú Thiện nằm trong thung lũng thuộc lưu vực sông Ayun có các dãy núi cao bao bọc ở phía Tây Bắc, Tây Nam, phía Nam và Đông Bắc đã tạo cho huyện có địa hình lòng chảo và hình thành 3 dạng địa hình chính:





Hình: Địa hình huyện Phú Thiện

- Địa hình núi cao: Thuộc các dãy núi bao bọc ở phía Tây Bắc xã Chư A Thai. Tây Nam và Nam xã Ia Sol, Ia Piar, Ia Hiao và Đông Bắc xã Ia Sol, có độ cao trung bình >200m so với mực nước biển, thấp dần về phía sông Ba. Tổng diện tích tự nhiên của loại địa hình này khoảng 24.000 ha, chiếm 47,5% diện tích tự nhiên toàn huyện, đặc điểm của loại địa hình này thuận lợi cho việc phát triển lâm nghiệp kết hợp với phát triển chăn nuôi.

- Địa hình đồi thấp: Có độ cao từ 100 - 200m so với mực nước biển là phần tiếp giáp giữa khu vực địa hình đồi núi cao với khu vực thung lũng ven 2 bờ sông Ayun, tổng diện tích tự nhiên của loại địa hình khoảng 12.000 ha, chiếm 23,7% diện tích tự nhiên của huyện, đặc điểm của loại địa hình này phù hợp với việc phát triển cây công nghiệp, cây hoa màu và trồng cỏ kết hợp với phát triển chăn nuôi trang trại tập trung.

- Địa hình thung lũng: Địa hình thung lũng là dải đồng bằng nằm dọc theo 2 bờ sông Ayun, có tổng diện tích tự nhiên 14.400 ha, chiếm 28,8% diện tích tự nhiên toàn huyện, đặc điểm của loại địa hình này thích hợp với trồng lúa, các cây đậu đỗ, hoa màu, nuôi trồng thủy sản....

4. Thủy văn

- Huyện Phú Thiện có hệ thống sông suối tương đối nhiều, đặc biệt là sông Ayun là sông chính chảy qua địa phận huyện, dọc theo ranh giới từ phía Bắc kéo dài xuống. Đây là nguồn dự trữ và cung cấp chủ yếu cho các ngành sản xuất, dịch vụ cũng như phục vụ sinh hoạt của người dân trong huyện. Tuy nhiên vào mùa mưa, sông Ayun và các nhánh suối của nó, huyện còn có công trình hồ chứa thủy điện Ayun Hạ, đây là một trong những công trình thủy lợi lớn, là nguồn nước chính cung cấp nước sinh hoạt, cung cấp nước sản xuất nông nghiệp và cung cấp điện cho vùng dân cư rộng lớn.

- Sông Ayun (bắt nguồn từ núi Kông Lăk có độ cao 1.720m chảy dọc theo quốc lộ 25) đổ vào hồ Ayun Hạ. Sông Ayun có lưu lượng nước bình quân

56,3m³/s. Mùa cạn lưu lượng chỉ đạt 11,2 m³/s, trong khi đó mùa mưa 188,0 m³/s và thường xuất hiện lũ. Mùa mưa lưu lượng dòng chảy chiếm 75% lượng dòng chảy cả năm. Cùng với hệ thống kênh mương thủy lợi Ayun Hạ đã tạo nên một vùng đất đai màu mỡ, phì nhiêu, là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp - nhất là lúa nước và các loại cây công nghiệp khá phát triển, chăn nuôi gia súc, gia cầm khá thuận lợi, đặc biệt đây là vùng có nguồn dự trữ thủy năng cho phát triển thủy điện tại khu vực trong những năm tới.

- Tuy nhiên, do đặc điểm địa hình miền núi và khí hậu khắc nghiệt cùng với chế độ mưa tập trung bên một số vùng vẫn còn thiếu nước vào mùa khô và thừa nước vào mùa khô, nhất là tháng 10 và tháng 11.

5. Tài nguyên thiên nhiên

5.1. Tài nguyên nước

a) *Tài nguyên nước mặt*: Theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 14/01/2015 của UBND tỉnh Gia Lai Về việc phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Gia Lai đến năm 2025 thì huyện Phú Thiện nằm trong vùng 3, Vùng Ayun Pa: là địa phận lưu vực dòng chính sông Ba và hai bên tả hữu thuộc diện tích huyện Phú Thiện, Ayun Pa, Ia Pa và các xã: Lơ Pang, Kon Chiêng của huyện Mang Yang; các xã Ia H'ru, một phần Nhơn Hoà, một phần Ia Phang của huyện Chư Pưh với diện tích khoảng 2.113 km².

b) *Tài nguyên nước ngầm*: Về quy hoạch khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2025 kèm theo Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 14/01/2015 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Gia Lai thì vị trí khai thác nước ngầm tại xã Chư A Thai, thị trấn Phú Thiện và xã Ia Sol, với tầng chứa nước khai thác là Neogen tại độ sâu 120-130 m và trữ lượng mỗi điểm từ 1500m³/ ng đến 2.000 m³/ng.

5.2. Tài nguyên khoáng sản

Theo Quy hoạch thăm dò tài nguyên khoáng sản tỉnh Gia Lai tại Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010 đến năm 2020; Quyết định số 468/QĐ - UBND ngày 06/08/2005 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015-2020; Kết quả nghiên cứu của Liên đoàn địa chất V - Quy Nhơn và Đoàn địa chất 707 - Gia Lai. Trên địa bàn huyện chỉ có tài nguyên khoáng sản như: Cát xây dựng tại xã Ia Piar và xã Ia Yeng; đất san lấp tại xã Ia AKe và xã Ia Sol; Sét gạch ngói tại xã Chư A Thai; Quặng Fluorit tại xã Ia Hiao.

5.3. Tài nguyên đất

- Đây là nguồn tài nguyên quan trọng để phát triển kinh tế- xã hội của toàn huyện, nhờ có sông Ayun chảy qua đã tạo nên thung lũng rộng lớn thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp. Đất đai của Phú Thiện chủ yếu là đất Ferarit màu nâu xám chủ yếu phát triển trên đá mẹ Macma acid. Độ dày tầng

đất khoảng 20cm, thành phần cơ giới từ cát pha đến thịt nhẹ hoặc đất trung bình, thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp.

- Về đất đai thổ nhưỡng được chia ra làm 6 nhóm đất chính, 14 đơn vị đất phụ, trong đó:

*** Nhóm đất phù sa (P):**

Diện tích 9.236,86 ha chiếm 18,3% diện tích tự nhiên, với 5 đơn vị đất chính là đất phù sa được bồi chua, đất phù sa không được bồi chua, đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng, đất phù sa Glei, đất phù sa ngòi suối. Đất phù sa được hình thành từ trầm tích có nguồn gốc sông, suối, tuổi Holocene muộn (aQ3-IV). Thành phần trầm tích chủ yếu là cấp hạt mịn và trung bình. Đất phù sa của huyện Phú Thiện được tạo thành chủ yếu do quá trình lắng đọng phù sa của các dòng sông Ayun và các hệ thống suối khác.... Đất này phù hợp với việc gieo trồng các cây lương thực như lúa, ngô, khoai, các loại cây công nghiệp như mía, các loại đậu đỗ, các loại rau quả, ... Đối với từng cây trồng cụ thể sẽ có chế độ bón phân khác nhau, ngoài phân chuồng, phân đạm, cần chú ý bón đủ lân và kali.

*** Nhóm đất xám và bạc màu (X; B):**

Có diện tích 22.082,39 ha chiếm 43,7% diện tích tự nhiên, với 3 đơn vị đất chính là đất xám trên phù sa cổ, đất xám trên macma acid và đá cát, đất xám bạc màu trên đá macma acid và đá cát. Đất hình thành phát triển trên các loại đá mẹ mẫu chất khác nhau trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, khoáng sét đã bị biến đổi, có quá trình rửa trôi sét và các cation kiềm tạo cho đất có tầng tích tụ sét. Hình thái phẫu diện đất xám đặc trưng kiểu A.Bt hoặc A.Bt.C. Trong đó Bt là tầng tích tụ sét. Tuy nhiên nhờ địa hình bằng phẳng và độ dày tầng đất lớn và đất tơi xốp nên dễ thích hợp nhiều loại cây trồng cạn như mía, điều và các loại hoa màu khác như lạc, vừng, đậu đỗ, dưa hấu, thuốc lá ...

*** Nhóm đất đen (R):**

Diện tích 25,34 ha chiếm 0,05% diện tích tự nhiên, với 1 đơn vị đất chính là đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bọt và bazan, Đất hình thành từ đá mẹ bazan giàu kiềm; có biểu hiện của quá trình rửa trôi, tích tụ sét. Tuy nhiên quá trình phá hủy khoáng sét và rửa trôi kiềm còn ở mức thấp. Đất có thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng. Trong đất có biểu hiện gia tăng sét nhẹ theo chiều sâu. Đất có độ phì khá hơn các loại đất khác, phản ứng đất ít chua ở địa hình dốc và trung tính ở địa hình bằng. Hàm lượng mùn và đạm tổng số cao trên toàn phẫu diện, đặc biệt lên tổng số cao hơn các loại đất khác. Các đơn vị đất đen có thể sử dụng gieo trồng nhiều loại cây nông nghiệp dài ngày như cây ăn quả, các cây màu ngắn ngày như ngô, đậu đỗ, các loại rau, hành, tỏi

*** Nhóm đất đỏ vàng (F):**

Diện tích 2.558,07 ha chiếm 5,1% diện tích tự nhiên, với 3 đơn vị đất chính là đất vàng đỏ trên đá macma acid, đất nâu đỏ trên đá bazan và đất nâu vàng trên phù sa cổ. Đất hình thành phát triển trên các loại đá mẹ mẫu chất khác nhau trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, quá trình rửa trôi diễn ra mãnh liệt, quá trình tích lũy sắt, nhôm ... phổ biến. Đất có màu vàng vàng đỏ vàng

nhạt tùy thuộc mức độ tích lũy sắt, nhôm. Đất tuy có độ phì không cao nhưng do tầng đất dày và phân bố ở địa hình bằng phẳng nên thích hợp với nhiều loại cây trồng đặc biệt là các cây dài ngày.

*** Nhóm đất thung lũng (D):**

Diện tích 1.027,95 ha chiếm 2,04% diện tích tự nhiên, với 1 đơn vị đất là đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ. Đất dốc tụ hình thành và phát triển trên sản phẩm rửa trôi và bồi tụ của các loại đất ở các chân, sườn đồi thoải và hoặc các khe dốc. Vật liệu được dòng nước mang từ các vùng đồi núi kế cận về nơi địa hình thấp, cùng với các vật liệu này còn có các chất hữu cơ. Do ở địa hình thấp, nước mắc đọng nên đất thường bị Glei. Do đặc điểm hình thành và phân bố nên đất dốc tụ có đặc điểm hình thái hết sức phức tạp. Có hai loại hình thái chính đó là: Đất dốc tụ sét hình thành trong vùng đất có thành phần cơ giới nặng (chủ yếu là vùng đất bazan). Đất có thành phần cơ giới từ trung bình đến nặng, thường có Glei, giàu chất hữu cơ. Đất dốc tụ có thành phần cơ giới nhẹ hình thành trong những vùng đất có thành phần cơ giới nhẹ như đất xám, đất vàng đỏ trên đá cát hay đất macma axit. Chủ yếu được sử dụng trồng cây hàng năm như cây lúa, hoa màu và cây lương thực.

*** Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá (E):**

Diện tích 13.480,47 ha chiếm 26,7% diện tích tự nhiên. Đất được hình thành do quá trình phong hóa và rửa trôi mạnh, tầng đất mịn hầu như không còn. Ít có khả năng sử dụng cho nông nghiệp, chủ yếu sử dụng để khai thác vật liệu xây dựng và khoanh nuôi tái sinh rừng. Điều kiện đất đai của huyện rất đa dạng và phong phú, tầng đất dày, đất đai màu mỡ, độ phì cao, rất phù hợp cho phát triển nhiều loại cây trồng và vật nuôi nhất là cây công nghiệp dài ngày, cây rừng và chăn nuôi đại gia súc nhất là bò thịt, heo, dê, gà, vịt, nuôi ong và nuôi cá.

- + Đất phù sa bồi tụ, Đất vàng trên phù sa cổ
- + Đất cát pha thịt nhẹ, đất xám trên đá macma acid
- + Đất vàng đỏ trên đá Granit, nolit
- + Các loại đất khác

Nhìn chung, với điều kiện khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng của khu vực huyện Phú Thiện rất thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

5.4. Tài nguyên rừng

Do đặc điểm khí hậu thời tiết và đất đai, thổ nhưỡng phù hợp với nhiều loại thực vật, động vật sinh sống đã tạo nên hệ sinh thái cùng đa dạng phong phú, nhiều loại cây sinh sống phát triển tốt, thực vật rừng có nhiều loại gỗ quý hiếm có giá trị kinh tế cao (trắc, cẩm lai, giáng hương, gụ, là te, pơ mu, thông 5 lá và cây dược liệu như ba kích vàng đẳng sa nhân, trầm hương). Tuy nhiên do việc khai thác gỗ và lâm sản trong khu vực chưa hợp lý, sự quản lý chưa chặt chẽ nên diện tích và chất lượng rừng bị suy giảm một cách rõ rệt. Diện tích đất rừng còn lại hiện nay chủ yếu là rừng khộp và rừng nghèo kiệt. Theo

kết quả thống kê đất đai năm 2022 toàn huyện có 12.959,404 ha, trong đó đất rừng sản xuất có 8.791,421 ha; đất rừng phòng hộ có 4.167,983 ha.

6. Tài nguyên du lịch, nhân văn

Huyện Phú Thiện sở hữu không gian nông nghiệp đặc thù, được ví như một “tiểu đồng bằng” của Tây Nguyên. Cùng với lợi thế về di sản văn hoá, thiên nhiên đặc trưng, huyện đang hướng đến xây dựng ngành du lịch phát triển bền vững.

- Du lịch được xem là một trong những ngành kinh tế hàng đầu thu hút sự quan tâm của nhiều thành phần kinh tế vì những lợi ích to lớn mà nó đem lại. Điều này càng thể hiện rõ hơn trước xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa với chủ trương hội nhập đổi mới hiện nay của nhà nước ta. Tuy nhiên, trong thời gian qua du lịch huyện Phú Thiện còn nhiều hạn chế: thị trường khách du lịch trong và ngoài nước chưa định hình, chất lượng sản phẩm du lịch đơn lẻ, các cơ sở du lịch chưa được đầu tư, hạ tầng đến các điểm có thể khai thác du lịch chưa được đầu tư, trên địa bàn huyện không có doanh nghiệp kinh doanh du lịch cũng như hoạt động lữ hành, chưa có tuơ kết nối đến huyện Phú Thiện, hồ Ayun Hạ do công ty Thủy lợi tỉnh Gia Lai quản lý khai thác nhưng đơn vị này không đủ khả năng và tiềm lực để đầu tư khai thác du lịch, khách đến với huyện Phú Thiện chủ yếu là khách trong tỉnh và chỉ tập trung đến tham quan vào dịp tết Nguyên đán hàng năm. Do đó, trong thời gian tới cần khai thác tối ưu các điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, kinh tế, văn hóa cũng như khắc phục các tồn tại, hạn chế... nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch Phú Thiện trên quan điểm bền vững, đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường, bảo vệ di sản văn hóa và an ninh quốc phòng là vấn đề thực sự cần thiết và cấp bách hiện nay.

- Một số địa điểm du lịch thắng cảnh thiên nhiên, di tích lịch sử:

+ **Di tích lịch sử - văn hóa Plei Oï:** Có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp khu dân cư Ba hòn - Plei oï; Phía Nam giáp kênh mương thủy lợi (N1-2A); Phía Đông giáp sông Ayun; Phía Tây giáp khu dân cư dọc kênh chính Ayun Hạ và Kênh N1; Có diện tích 122 ha; trong đó di tích Plei Oï có diện tích 11,42 ha; Năm 1993 được công nhận là di tích lịch sử cấp Quốc gia theo Quyết định 281/QĐ-BT của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Plei Oï – nơi cư trú của những Ptao cuối cùng, là nơi bảo lưu đầy đủ nhất dấu tích của Vương quốc Hỏa xá đứng đầu là Ptao Apui, tuy nhiên những biến động của lịch sử đã làm cho Vương quốc này sớm tan rã. Plei Oï với những gì còn sót lại ở đây và những truyền thuyết về các Ptao giúp ta hiểu thêm lịch sử phát triển của cư dân Jrai nói riêng, cư dân Tây Nguyên nói chung trong suốt hơn 5 thế kỷ qua.

+ **Các Lễ hội truyền thống của dân tộc bản địa:** Lễ cầu mưa của Yang Ptao Apui, Lễ cầu mưa Yang Oï Dai; Hoả Lui Pơ Sat (Lễ Bỏ mả) của người Jrai; Bhet motia (Lễ Thỏ tai) của người Jrai; Lih ami ama (Lễ tạ ơn) của người Jrai.

+ **Chùa Quang Sơn:** Chùa Quang Sơn nằm trên địa bàn thôn Thanh Thượng A, xã Ayun Hạ; cách trung tâm hành chính huyện 10 km về hướng Tây, do sư cô Thích Nữ Nguyễn Nhứt làm trụ trì; chùa Quang Sơn nằm dưới

chân núi được bao quanh bởi rừng cây xanh mát cùng với hệ thống kênh chính Ayun Hạ, tạo điểm tựa vững chãi - sơn thủy hữu tình, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo của người dân thập phương.

+ **Hồ Ayun Hạ:** Hồ Ayun Hạ bắt đầu chặn dòng, triển khai thi công từ năm 1994; đến năm 1998 hoàn thành và đưa vào khai thác, quản lý; đây là hồ nhân tạo lớn nhất Tây Nguyên; hồ có diện tích lưu vực 1.670 km², diện tích mặt hồ là 3.700 ha; có hệ thống Kênh chính dài 14,458km.

+ **Hồ sen:** Có diện tích 11 ha, nằm trên địa bàn xã Ia Yeng.

+ **Đèo Chư Sê:** Có chiều dài 3km là điểm giao nhau giữa hai huyện Phú Thiện và Chư Sê và tạo ra 2 đới khí hậu khác biệt, được bao bọc bởi hệ thống rừng khộp và rừng tái sinh nếu đứng chân ở đỉnh cao này có thể quan sát được toàn cảnh huyện Phú Thiện lung linh về đêm cũng như đón chào ánh sáng ban mai với tiết trời se lạnh, dự kiến trong tương lai không xa nơi đây vào mùa hoa Bằng Lăng nở sẽ tạo thành sắc tím trên suốt chặng đường đèo.

+ **Hệ thống Chư A Thai bước đầu phát hiện dấu vết của đồ đá cũ:**

Nằm tiếp giáp với hồ Ayun Hạ, ngoài dấu tích đồ đá cũ nơi đây còn tiềm ẩn bên trong trữ lượng lớn gỗ hoá thạch và các loại đá bán quý nếu được sử dụng đúng mục đích thì có thể xây dựng thành bảo tàng thiên nhiên vô cùng độc đáo.

Với tiềm năng và lợi thế hiện có về du lịch trên địa bàn huyện thì trong những năm gần đây, lượng khách du lịch đến với Phú Thiện ngày một tăng; trong đó đã cơ bản hình thành tuyến du lịch như: Thác Phú Cường (Chư Sê) – Hồ Ayun Hạ (Phú Thiện) - Di tích lịch sử - văn hóa Plei Oí (Phú Thiện) – Suối đá (Ayun Pa) – Bến Mộng (Ayun Pa).



Hồ Ayun Hạ



Cổng chính vào khu Di tích lịch sử-
văn hóa Quốc gia Plei Oí



Lễ cầu mưa Yang Potao Apui



Chùa Quang Sơn - xã Ayun Hạ

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

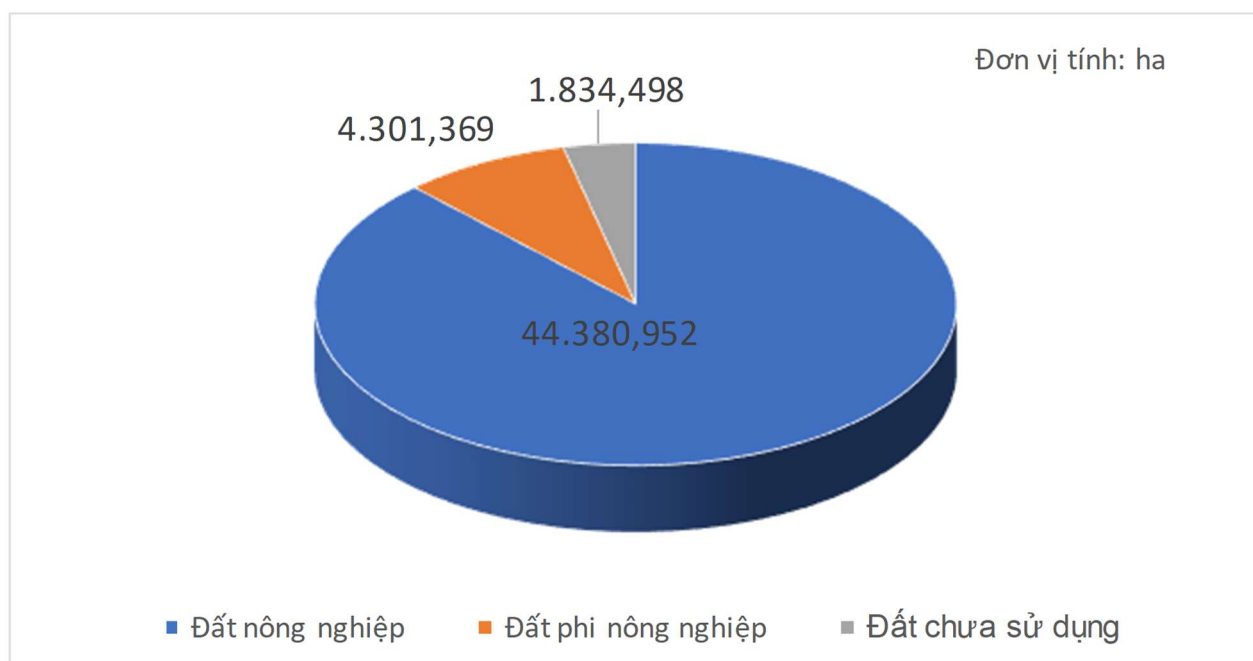
- Theo báo cáo thống kê sử dụng đất năm 2022 huyện Phú Thiện, tổng diện tích tự nhiên tính đến ngày 31/12/2022 là 50.516,819 ha, trong đó:

+ Đất nông nghiệp: diện tích 44.380,952 ha, chiếm 87,854% so với tổng diện tích đất tự nhiên;

+ Đất phi nông nghiệp: diện tích 4.301,369 ha, chiếm 8,515% so với tổng diện tích đất tự nhiên;

+ Đất chưa sử dụng: diện tích 1.834,498 ha, chiếm 3,631% so với tổng diện tích đất tự nhiên.

Biểu đồ: Diện tích sử dụng theo loại đất trên địa bàn huyện Phú Thiện



- Hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn huyện Phú Thiện như sau:

**Bảng 02: Hiện trạng sử dụng đất huyện Phú Thiện
(tính đến ngày 31/12/2022)**

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		50.516,819	100,000

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	44.380,952	87,854
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	31.051,705	61,468
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	29.634,492	
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.035,283	
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	20.599,209	
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.417,214	
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	12.959,404	25,654
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	8.791,421	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.167,983	
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	298,224	0,590
1.4	Đất làm muối	LMU	-	
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	71,618	0,142
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.301,369	8,515
2.1	Đất ở	OTC	1.517,955	3,005
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.201,661	2,379
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	316,294	0,626
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	1.772,820	3,509
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,529	
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	2,227	
2.2.3	Đất an ninh	CAN	2,599	
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	87,569	
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	95,887	
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	CCC	1.564,010	
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,032	
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,146	

STT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	70,567	
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	911,888	
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	24,065	
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,896	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.834,498	3,631
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	5,548	
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	1.828,499	
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	0,451	

III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội huyện Phú Thiện

- Tổng giá trị sản xuất hàng năm tăng, với tốc độ khá cao, (theo giá so sánh năm 2010) đạt 11,02%. Trong đó:

- Cơ cấu kinh tế (theo giá trị sản xuất) chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng các khối ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng dần, tỷ trọng các ngành nông, lâm, thủy sản giảm dần. Tuy nhiên tốc độ chuyển dịch còn tương đối chậm, tỷ trọng các ngành tương ứng như sau:

- + Ngành Nông - lâm - thủy sản chiếm 44,5%
- + Ngành dịch vụ - thương mại chiếm 33,61%
- + Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 21,89%

- Thu nhập bình quân đầu người/năm đạt: 33 triệu/người/năm;

- Tỷ lệ hộ nghèo năm 2022: 6,52%

- Số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%

- Đến cuối năm 2022, huyện có 5 xã đạt chuẩn NTM và 14 thôn, làng đạt chuẩn NTM trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ: 100%;

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%;

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia: Trên địa bàn toàn huyện hiện có 13 trường đạt chuẩn quốc gia (03 trường MN, 04 trường tiểu học, 06 trường THCS) đạt 33,3%. Đề nghị chỉnh sửa lại tỷ lệ 31,7% (13/41);

- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh: 95%;

- 66% chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực đô thị được thu gom và xử lý;

2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực¹

2.1. Phát triển kinh tế nông nghiệp (nông, lâm, thủy sản)

- Về sản xuất nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm. Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) năm 2022 ước đạt 2.185,67 tỷ đồng (gấp 1,21 lần so với năm 2016). Chuyển dịch cơ cấu cây trồng được đẩy mạnh; ứng dụng khoa học, công nghệ, các mô hình, đề án vào sản xuất nông nghiệp được chú trọng triển khai, góp phần tăng năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm cây trồng, từng bước tăng thu nhập cho người dân” và xây dựng thành công nhãn hiệu “Gạo Phú Thiện”.

Từ năm 2016 đến nay, công tác chuyển giao, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn luôn được các cấp, các ngành quan tâm đầu tư kinh phí trang thiết bị để xây dựng các chương trình, dự án, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn; tập trung xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp, từng bước chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng vật nuôi có năng suất và chất lượng cao, cơ giới hoá ngành sản xuất nông nghiệp, từng bước tiến đến ngành sản xuất các sản phẩm nông nghiệp sạch theo hướng hàng hóa và thân thiện với môi trường.

- Về trồng trọt

Đến nay, phần lớn nhân dân trên địa bàn huyện đã áp dụng các giống mới có năng suất, chất lượng, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương vào trong sản xuất. Sản lượng lương thực ngày càng tăng, chất lượng sản phẩm nông nghiệp ngày càng được nâng lên rõ rệt. Thời gian qua, cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày vẫn đóng vai trò quyết định chủ đạo trong sản xuất nông nghiệp. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển trồng trọt và chăn nuôi, đẩy mạnh hoạt động dịch vụ nông nghiệp, đầu tư thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tăng năng suất, chất lượng các sản phẩm hàng hóa, có quy mô tập trung hiện nay như: lúa, mía, ngô, rau, đậu. Tổng diện tích gieo trồng và tổng sản lượng lương thực ngày càng tăng. Trong những năm qua, huyện đã thực hiện mô hình cánh đồng lớn đối với các loại cây trồng lúa và mía. Diện tích thực hiện cánh đồng lớn ngày càng tăng.

- Về chăn nuôi, thủy sản

Chăn nuôi phát triển ổn định, mô hình chăn nuôi trang trại có sự khởi sắc cả về số lượng và quy mô. Trong những năm qua, công tác phòng trừ dịch bệnh trên gia súc, gia cầm nên tổng đàn gia súc gia cầm luôn được duy trì ổn định.

Trên địa bàn huyện, vật nuôi chủ lực là bò, heo và gia cầm; nuôi trồng thủy sản với quy mô hộ gia đình; đối tượng nuôi chủ yếu là cá trắm cỏ, cá trôi,

¹ (Nguồn số liệu: Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội huyện Phú Thiện năm: 2020 – 2022)

cá chép... Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện là 370 ha, sản lượng ước đạt 860 tấn/năm. Nhìn chung, các loại vật nuôi phát triển ổn định.

Hàng năm, huyện đã triển khai kế hoạch tiêm vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc; công tác kiểm soát giết mổ và vận chuyển gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện được tăng cường. Huyện đã tiếp tục kiến nghị tỉnh mở rộng quy hoạch đối với chăn nuôi tập trung trên địa bàn và đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hộ gia đình đầu tư chăn nuôi tập trung, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện.

- Về lâm nghiệp

Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng được quan tâm chỉ đạo. Công tác trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán được chỉ đạo quyết liệt bước đầu đã đem lại hiệu quả. Duy trì tỷ lệ che phủ của rừng đến nay đạt 30,35%.

2.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ

- Lĩnh vực Công, thương nghiệp - xây dựng:

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng qua từng năm, đến cuối năm 2022 đạt 1.128.8 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân là 14,58%. Sản phẩm công nghiệp của huyện bước đầu đã khẳng định về chất lượng (gạch Tuynen bán đảo). Cụm công nghiệp của huyện được điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ở vị trí mới, tạo tiền đề thúc đẩy sự phát triển lĩnh vực công nghiệp của huyện.

Để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, UBND huyện đã phối hợp các ngành chức năng tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện tạo tiền đề thúc đẩy phát triển công nghiệp gắn với việc di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh không đáp ứng yêu cầu vào cụm công nghiệp. Tham gia ý kiến thống nhất đầu tư các nhà máy gạch nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn và các vùng lân cận với tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng.

- Lĩnh vực thương mại - dịch vụ:

Thương mại - dịch vụ phát triển đa dạng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (theo giá so sánh năm 2010) của năm 2022 đạt 1.725,8 tỷ đồng (gấp 1,9 lần so với năm 2016). Các ngành dịch vụ như: Bưu chính viễn thông, bảo hiểm, ngân hàng, phân phối điện... phát triển khá nhanh tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu, hợp tác và phát triển kinh tế trên địa bàn.

Thị trường hàng hóa ngày càng đa dạng, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Thương mại đảm bảo cung ứng các loại vật tư, hàng hóa trên thị trường toàn huyện, các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào các dân tộc, nhất là những vùng sâu, vùng xa, gồm cả các mặt hàng theo cơ chế hỗ trợ, cấp không. Các thành phần kinh tế khác trong ngành thương mại cũng phát triển, góp phần tích cực vào giao lưu hàng hóa, phát triển kinh tế thị trường trên địa bàn huyện.

Dịch vụ vận tải đã cơ bản đáp ứng nhu cầu giao lưu hàng hóa và đi lại của nhân dân với nhiều loại hình vận tải đa dạng và phương thức vận tải được cải thiện, thuận lợi hơn nhiều.

3. Dân số, lao động

Huyện Phú Thiện năm 2021 có dân số trung bình là 80.968 người, trong đó dân số thành thị là 20.851 người, chiếm 25,75%; dân số nông thôn là 60.117 người, chiếm 74,25%.

Với mật độ dân số trung bình là 160 người/km². Mật độ dân số không đồng đều giữa các đơn vị hành chính trong tỉnh do khác nhau về diện tích và điều kiện phát triển kinh tế.

Lực lượng lao động trên địa bàn huyện là 50.686 người (trong đó nam 25.138 người, nữ 25.538 người), qua đào tạo 47.950 người, chưa qua đào tạo 2.736 người. Lực lượng lao động có việc làm là 50.643 người, thất nghiệp 43 người. Lực lượng lao động hoạt động trong nhóm ngành nông lâm thủy sản là 21.734 người, công nghiệp - xây dựng 873 người, thương mại và dịch vụ 1.049 người và không xác định 26987 người.

IV. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN.

- **Đánh giá chung về hình thái không gian đô thị và nông thôn:** Huyện Phú Thiện Phát triển theo dạng dải kết hợp với hình thái xương cá dọc theo các trục QL 25 và các đường tỉnh, đường liên xã. không phát triển bám sông suối do:

Địa hình tác động mạnh đến hình thái phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn của huyện. Huyện Phú Thiện có địa hình dạng thung lũng bị các dãy núi triền cao nguyên che chắn và nằm gọn trong lòng chảo nơi có sông Ayun là một nhánh của sông Ba bắc nguồn từ cao nguyên Kon Tum chảy qua.

Hơn nữa Tuyến QL 25 đi qua địa bàn huyện cũng đã định hình mô hình phát triển dạng tuyến. Từ QL 25 là các tuyến đường liên xã liên huyện dạng xương cá.

Là huyện lấy nông nghiệp phát triển làm đầu nên các vùng phát triển nông nghiệp lớn nằm dọc 2 bên sông, suối, kênh chính.

1. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị:

Huyện Phú Thiện được tách ra từ huyện Ayun Pa cũ theo Nghị định số 50-NĐ/CP về việc chia tách đơn vị hành chính cấp huyện năm 2007. Trải qua thời gian xây dựng và phát triển thị trấn Phú Thiện đã có những bước tiến bộ vượt bậc. Huyện đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho tư nhân tham gia đầu tư phát triển hạ tầng; ưu tiên đầu tư cho các công trình giao thông, hạ tầng thị trấn Phú Thiện phấn đấu đạt chuẩn đô thị văn minh và đô thị loại V; đôn đốc triển khai các công trình, dự án trọng điểm tạo động lực thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển.

Năm 2021 UBND tỉnh Gia Lai đã phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch

chung xây dựng thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện đến năm 2030. Với diện tích toàn thị trấn là 1.340,26ha.

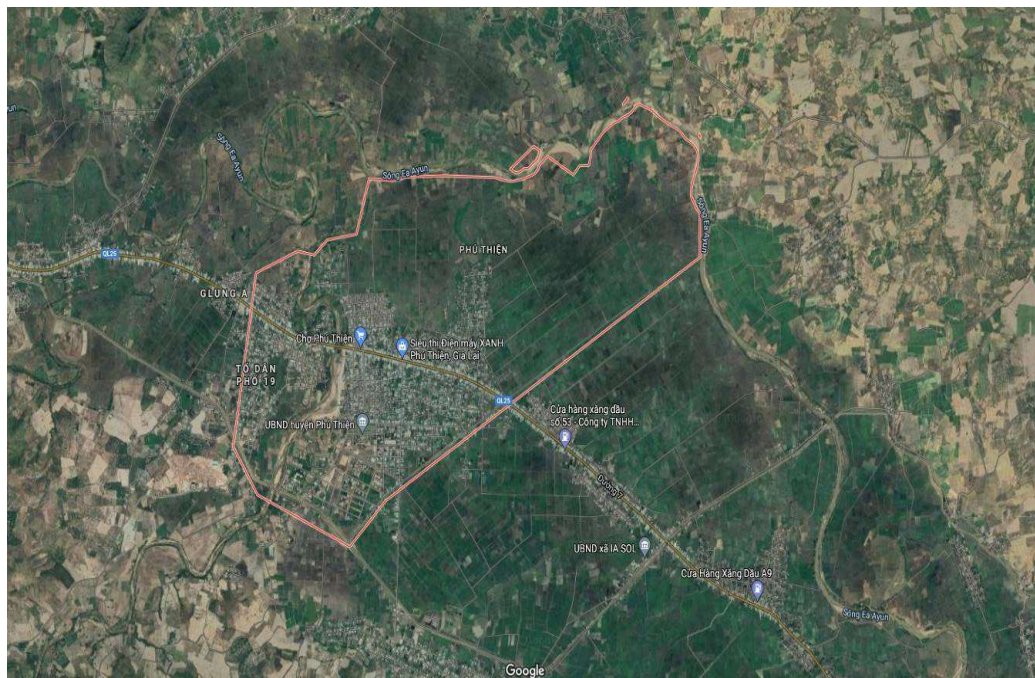
- Tính chất:

+ Là trung tâm chính trị kinh tế văn hoá xã hội của huyện Phú Thiện.

+ Là cửa ngõ giao lưu kinh tế của huyện với các địa phương khác, là vùng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ du lịch.

+ Là đô thị trong chuỗi đô thị dọc theo QL 25 nối thành phố Pleiku với tỉnh Phú Yên đồng thời kết nối với các đô thị phía Đông của tỉnh Gia Lai thông qua đường tỉnh 662B, đường Trường Sơn Đông, QL 19 đến thành phố Quy Nhơn trong hệ thống đô thị phát triển của tỉnh Gia Lai.

- Hiện trạng thị trấn Phú Thiện theo dạng tập trung, chủ yếu phát triển về phía Tây Nam trên QL 25 và hai bên bờ sông Ayun. Thuận tiện kết nối với các trung tâm xã nằm trên QL 25. Diện tích đất ở đô thị 316,294 ha chiếm 0,626% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.



Hình hiện trạng thị trấn Phú Thiện

2. Thực trạng phát triển nông thôn

Là huyện miền núi, Phú Thiện có nhiều thành phần dân tộc sinh sống nên cũng hình thành nhiều hình thái dân cư khác nhau, phổ biến nhất là hình thái thôn, làng. Tuy nhiên với sự thay đổi tập quán canh tác và mô hình sản xuất nông nghiệp cánh đồng mẫu lớn nên dân cư nông thôn huyện phú thiện phát triển theo dạng tuyến dọc QL 25 và các tuyến đường liên huyện, liên xã, các khu dân cư theo dạng ô cờ. Một số ít khu dân cư dạng phân tán, điểm: từ vài nóc nhà đến vài chục nóc nhà.

Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện các chương trình và dự án thiết thực như chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, dự án hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn về đất đai, nhà ở..., các dự án

về xây dựng cơ sở hạ tầng phúc lợi công cộng... đã góp phần ổn định dân cư, bước đầu làm thay đổi dần bộ mặt nông thôn. Huyện cũng tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật nông thôn, ưu tiên chương trình nhựa hóa, bê tông hóa đường giao thông nông thôn. Hệ thống thủy lợi và kênh mương nội đồng theo hệ thống thủy lợi Ayun Hạ. Hạ tầng phúc lợi xã hội đã được xây dựng như trường học, trạm xá, điện chiếu sáng công cộng được đầu tư đúng mức.

Toàn huyện có 9 xã thuộc địa bàn nông thôn, dân cư nông thôn phân bố không đều, tập trung với mật độ cao tại các khu trung tâm xã và ven các trục giao thông chính.

Tổng diện tích đất khu dân cư nông thôn toàn huyện (theo thống kê đất đai năm 2022) có 1.201,661ha, chiếm 2,379% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

V. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Công trình giáo dục

Mạng lưới giáo dục toàn huyện có 1 trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên đặt tại thị trấn Phú Thiện, 2 trường phổ thông trung học và 3 cấp học từ THCS đến mầm non có 39 trường, 535 lớp với 16.493 học sinh. Trong đó có, 01 trường THCS dân tộc nội trú, 3 trường PTDT BT, 6 cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, 11 trường thực hiện theo mô hình bán trú của huyện. Để duy trì sĩ số học sinh, tiến tới nâng cao chất lượng giáo dục huyện Phú Thiện đang tiếp tục duy trì hệ thống trường lớp bán trú theo mô hình đặc thù. Theo thống kê huyện Phú Thiện có gần 60% học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số. Để nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì sĩ số học sinh, thu hẹp khoảng cách chênh lệch chất lượng giáo dục giữa vùng thuận lợi và vùng khó khăn, vừa qua, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình bán trú 2 buổi/ngày giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.

Tổng diện tích đất giáo dục trên địa bàn toàn huyện 486.098,05 m² bình quân 29,47m²/ học sinh.

Cơ sở và trang thiết bị dạy học cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

2. Công trình y tế

Hệ thống y tế huyện Phú Thiện gồm 1 bệnh viện quy mô 85 giường bệnh và 9 trạm y tế xã. Cơ sở hạ tầng y tế từng bước được đầu tư, trang bị đầy đủ. Đến nay, trạm y tế các xã đã được xây dựng và có 9/9 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

Tổng số cán bộ, nhân viên là 135 người, trong đó có 11 bác sĩ, 2 dược sĩ đại học. Số hộ dân tham gia BHYT đạt 95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiếm 17,4% .

3. Văn hoá thông tin – Thể dục thể thao

Các công trình văn hoá thông tin và thể dục thể thao huyện dần được hoàn thiện đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá của người dân. Thực hiện tốt các chính

sách tôn giáo, dân tộc; phát huy vai trò người có uy tín, già làng, chức sắc tôn giáo trong cộng đồng.

Hiện trạng có 8/10 xã, thị trấn đã thành lập Trung tâm Văn hóa- Thể thao xã, huyện có trung tâm văn hoá, thông tin và thể thao huyện được thành lập năm 2019.

Tỷ lệ thôn, làng văn hóa đạt 63%, tỷ lệ gia đình văn hóa 86%.

4. Công trình thương mại dịch vụ

Các công trình thương mại dịch vụ tập trung chủ yếu dọc QL 25 và thị trấn Phú Thiện.

Gồm 4 chợ với 4/10 xã thị trấn có chợ xã: thị trấn Phú Thiện, xã Ayun Hạ, xã Ia Sol, xã Ia Peng.

VI. HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Hệ thống giao thông

Qua rà soát, hệ thống mạng lưới đường giao thông trên địa bàn huyện có tổng chiều dài khoảng 557,53 km, trong đó cụ thể như sau:

- Đường Quốc lộ 25 (đoạn qua địa phận huyện Phú Thiện) có chiều dài khoảng 29,67 km, có điểm đầu, điểm cuối như sau:

+ Điểm đầu: Cầu Ia Hiao - tại Km129+130m, Quốc lộ 25.

+ Điểm cuối: Đỉnh đèo Chư Sê – tại Km158+800m, Quốc lộ 25.

- Đường tỉnh ĐT662B (đoạn qua địa phận huyện Phú Thiện) có chiều dài khoảng 18,5 km, có điểm đầu, điểm cuối như sau:

+ Điểm đầu: Km0+00 tại ngã ba Plei Tăng (Km149+200m, Quốc lộ 25).

+ Điểm cuối: Rãnh giới giữa hai huyện Phú Thiện và Ia Pa tại Km18+500m.

- Đường nội thị: 77,77 km, trong đó:

+ Đường quy hoạch có chiều rộng từ 11,5m trở lên: 58,79 km;

+ Đường hẻm, ngõ xóm khu dân cư có chiều rộng từ 3,0m trở lên: 18,98km.

+ Đường quy hoạch: Từ năm 2007 đến nay, đã đầu tư xây dựng mặt đường láng nhựa hoặc bê tông nhựa được 13,045 km; đường BTXM 9,725 km; còn lại là đường cấp phối (18,334 km), đường đất (1,525 km) và các đường chưa thông tuyến (16,161 km).

+ Đường hẻm, ngõ xóm khu dân cư: Đã bê tông hóa được 11,25/18,98km (đạt 59,27%); 7,73 km còn lại được cứng hóa đất đồi chọn lọc.

- Đường nông thôn có tổng chiều dài khoảng 431,59 km, trong đó:

+ Đường trục xã, liên xã có tổng chiều dài 61,11 km, trong đó đã bê tông hóa, nhựa hóa được 49,81 km đạt tỷ lệ 81,51%; phần còn lại đã được cứng hóa bằng đường đất hoặc cấp phối; các tuyến đường xã góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế xã hội của huyện trong việc vận chuyển các loại nông sản

cũng như tạo điều kiện thuận tiện cho việc đi lại của nhân dân trên địa bàn huyện.

- Đường trục thôn, xóm có tổng chiều dài 93,14km, trong đó đã được bê tông hóa hoặc cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT với chiều dài 85,70km đạt tỷ lệ 92,01%; phần còn lại đã được cứng hóa bằng đất hoặc cấp phối đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

+ Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa có tổng chiều dài khoảng 121,32km đã được bê tông hóa hoặc cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT với chiều dài 86,71km đạt chỉ tiêu tỷ lệ 71,47%, đảm bảo đi lại thuận tiện không lầy lội vào mùa mưa.

+ Đường trục chính nội đồng có tổng chiều dài khoảng 156,02km đã cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT xe cơ giới đi lại thuận tiện có chiều dài 122,44km đạt chỉ tiêu tỷ lệ 78,47%.

Công trình đầu mối giao thông: Bến xe huyện hiện nay tại thị trấn đã đảm bảo về quy mô.

Nhìn chung, việc phát triển đường giao thông nông thôn đã từng bước thay đổi bộ mặt nông thôn một cách tích cực, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển nông sản của nhân dân trên địa bàn huyện. Với hệ thống đường nông thôn được đầu tư kết nối với các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện đã hình thành nên mạng lưới giao thông thông suốt, kết nối khu vực, liên khu vực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Hệ thống thủy lợi

- Toàn huyện hiện có các công trình thủy lợi với các đập dâng nước đầu mối, các hồ chứa thủy lợi và kênh dẫn tưới tiêu, chủ yếu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

- Tu sửa, nâng cấp 5,173km hệ thống kênh mương nội đồng, được kiên cố hóa.

- Công trình nước tự chảy: Hệ thống kênh mương thủy lợi trên địa bàn huyện có chiều dài khoảng 180,650 km, đến nay đã kiên cố hóa 95,87km, chiếm tỷ lệ khoảng 53,07%, số tuyến còn lại bằng kênh đất cơ bản phục vụ sản xuất.

- Các công trình nước bơm: Toàn huyện có 17 Trạm bơm điện sử dụng nước từ hệ thống thủy lợi, sông, suối để tưới cho 427 ha lúa.

- Số diện tích đất có chủ động nước tưới ước đạt khoảng 32,61% (7.500 ha) chủ yếu là cây lúa nước, rau, màu, thuốc lá, cây ăn quả, số ít diện tích mía; số diện tích còn lại khoảng 15.502 ha (chiếm 67,39%) phụ thuộc vào nước trời.

3. Hệ thống cấp nước

Hệ thống cấp nước sinh hoạt Phú Thiện – Ia Pa được tỉnh đầu tư xây dựng trong 02 giai đoạn. Giai đoạn đầu, UBND huyện Phú Thiện làm chủ đầu tư xây dựng Nhà máy cấp nước tại xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện và hệ thống ống dẫn nước trên địa bàn huyện Phú Thiện. Nhà máy cấp nước tại xã Ayun

Hạ có tổng công suất 4.000m³/ngày đêm, hút nước từ lòng hồ Công trình thủy lợi Ayun Hạ. Giai đoạn 2, xây dựng hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Ia Pa được đầu nối từ Nhà máy cấp nước tại xã Ayun Hạ, giữa tháng 3/2018 đưa vào vận hành kỹ thuật. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, UBND tỉnh giao Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai quản lý, vận hành hệ thống cấp nước sinh hoạt Phú Thiện – Ia Pa. Khi chưa xây dựng công trình này, nhiều hộ ở Phú Thiện sử dụng nước từ các giếng đào, giếng khoan với chất lượng nước thấp; hoặc phải mua các bình nước để sử dụng, tốn kém nhiều về kinh phí.

Theo thiết kế, hệ thống cấp nước sinh hoạt tại huyện Phú Thiện cung cấp nguồn nước sạch cho các hộ dân, các cơ quan, công sở trên địa bàn xã Ayun Hạ, xã Ia Ake và thị trấn Phú Thiện.

4. Hiện trạng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

- Hiện nay huyện chưa có nhà máy xử lý nước thải.

- Công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các xã, thị trấn trên tuyến đường QL 25 được thực hiện bởi Đội công trình đô thị huyện. Tổ chức thu gom của các hộ dân trên địa bàn 8 xã và thị trấn (Ia Hiao, Chrôh Ponan, Ia Yeng, Ia Piar, Ia Sol, Ia Ake, Ayun Hạ và thị trấn Phú Thiện).

Rác được xử lý bằng hoá chất trước khi chôn lấp hoặc đốt tại bãi rác huyện tại thôn Nam Hà, xã Ia Ake với quy mô diện tích 11,2 ha.

Tại các khu vực không nằm trên tuyến thu gom, thì hộ gia đình tự thu gom để đốt hoặc chôn lấp sau vườn

Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom đạt 66%.

Với diện tích đất sản xuất nông nghiệp lớn thì chất thải độc hại trong nông nghiệp cũng cần được chú trọng xử lý, vì vậy trong thời gian qua huyện đã đầu tư kinh phí xây dựng các bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

- Nghĩa trang:

Mỗi xã có nghĩa trang riêng phù hợp phong tục tập quán chôn cất của địa phương. Tuy nhiên nghĩa trang chưa được quy hoạch nằm rải rác trong các thôn làng ảnh hưởng đến môi trường đất, nước ngầm, cảnh quan và quỹ đất.

5. Phát triển năng lượng

- **Hệ thống cấp điện:** Hiện nay, phụ tải huyện Phú Thiện được cấp điện bởi trạm biến áp 110kV Ayun Pa công suất 2x25MVA. Hiện nay trên địa bàn huyện có 167,29km đường dây trung thế, 216,39 km đường dây hạ thế, 159 trạm biến áp với tổng công suất 34.236 kVA. Hiện nay, trên địa bàn huyện đều sử dụng điện lưới quốc gia đạt tỷ lệ 100%; tỷ lệ hộ sử dụng điện 20.434/ 20.434 hộ, đạt tỷ lệ 100%., đạt tỷ lệ. Nguồn cung cấp điện cho huyện Phú Thiện từ lưới điện quốc gia tại trạm 110kV Ayun Pa, công suất 50MVA.

- **Năng lượng tái tạo:**

+ Về thủy điện: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 02 nhà máy thủy điện (Ayun Hạ, Kênh Bắc) đang vận hành với tổng công suất 3,94MW (Ayun Hạ công suất 3MW, Kênh Bắc là 0,94MW. Ngoài ra, còn có công trình thủy điện Ia Hiao với công suất 12MW nằm trên địa bàn huyện Phú Thiện, thị xã Ayun Pa hiện đang xin chủ trương đầu tư.

+ Về điện mặt trời:

++ Về điện mặt trời nổi lưới: Có 2 dự án điện mặt trời (Dự án điện mặt trời Phú Thiện công suất 40MWp đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và dự án điện mặt trời nổi Ayun Hạ công suất 400MWp (nằm trên địa bàn 02 huyện Phú Thiện, Chư Sê) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền bổ sung quy hoạch).

++ Về hệ thống điện mặt trời mái nhà: Hiện nay, trên địa bàn huyện có 157 hệ thống điện mặt trời mái nhà đã vào vận hành với tổng công suất 13,727MWp.

++ Về điện gió: Có 01 dự án điện gió (dự án điện gió Ayun Hạ - Phú Thiện) với tổng công suất 50MW đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền bổ sung quy hoạch.

- **Năng lượng xăng dầu:** Hiện tại trên địa bàn huyện có 19 cửa hàng xăng dầu phân bố trên các xã, thị trấn đảm bảo cung cấp xăng, dầu cho nhân dân trên địa bàn huyện.

6. Thực trạng môi trường

Nhìn chung chất lượng môi trường huyện Phú Thiện vẫn còn tốt.

- Môi trường nước: Hiện nay tình hình ô nhiễm gây ra cho nguồn nước mặt chủ yếu từ nguồn nước thải sinh hoạt, hoạt động nông nghiệp, hoạt động chăn nuôi nhưng chưa có tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng xảy ra.

- Môi trường không khí: việc xử lý rác thải bằng hình thức chôn lấp chưa được đầu tư xử lý nước thải hiệu quả. Bãi tập kết rác thải lộ thiên, cùng với việc đốt rác tùy tiện gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại những thời điểm nhất định.

- Môi trường đất: một số hoạt động sản xuất nông nghiệp có khả năng gây ô nhiễm môi trường đất như sử dụng phân bón, thuốc BVTV và chất thải từ hoạt động chăn nuôi không hợp lý. Việc sử dụng phân bón vô cơ, thuốc BVTV không đúng kỹ thuật và không được kiểm soát đã góp phần phá hủy môi trường, tiêu diệt sinh vật có ích, dư lượng thuốc BVTV vào trong đất gây ô nhiễm môi trường đất. Ngoài ra, tập quán chăn nuôi thả rông của một số đồng bào và việc phát triển các dự án chăn nuôi lớn trên địa bàn trong thời gian qua phát sinh nhiều chất thải chăn nuôi, nếu không được xử lý tốt sẽ là nguồn gây ô nhiễm lớn đến môi trường khu vực.

7. Hiện trạng khoa học công nghệ

- Hiện nay, khoa học - công nghệ đã trở thành nhân tố quan trọng trong sản xuất, quản lý và đời sống, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đã chú trọng đầu tư công nghệ mới, trang thiết bị hiện đại trong chế biến nông lâm -

sản, sản xuất đá xây dựng, bưu chính viễn thông, ngân hàng, dịch vụ vận tải... góp phần làm tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong sản xuất nông nghiệp, đã áp dụng nhiều tiến bộ khoa học, công nghệ và giống cây trồng, vật nuôi, quy trình chăm sóc, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Các dự án khoa học công nghệ đã và đang triển khai đúng kế hoạch. Các doanh nghiệp, hộ gia đình cá nhân đã chú trọng áp dụng khoa học kỹ thuật vào phát triển, kinh doanh. Ủy ban nhân huyện đã hoàn thiện hồ sơ gửi Cục sở hữu trí tuệ để được xét duyệt cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu “Gạo Phú Thiện”. Về áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước được các đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện nghiêm túc. Đến nay, các cơ quan chuyên môn, đơn vị hành chính cấp xã đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động hành chính. Tuy nhiên, sự phát triển nói trên chưa đáp ứng yêu cầu như: ngành công nghiệp phát triển chưa rõ nét, chất lượng nguồn nhân lực, thiết bị công nghệ của nhiều cơ sở sản xuất ở trình độ dưới mức trung bình, khu vực kinh tế Nhà nước còn nhiều khó khăn. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu dựa vào vốn, sức lao động, chưa tập trung đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển theo chiều sâu, các cơ sở nghiên cứu khoa học còn yếu và thiếu chưa đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học trong tình hình mới. Chính vì lẽ đó trong thời gian tới cần phải tập trung đầu tư về kinh phí, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để sớm đưa huyện Phú Thiện thoát khỏi khó khăn.

8. Hạ tầng Cụm Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Cụm Công nghiệp huyện đã được UBND tỉnh thành lập với quy mô 38ha tại thôn Nam Hà, xã Ia Ake; có thể mở rộng đến 75ha. Tuy nhiên, hiện nay chưa được đầu tư hạ tầng. Huyện đã đề xuất dự án xúc tiến đầu tư khai thác hạ tầng Cụm Công nghiệp.

9. Hạ tầng thương mại

- Thực trạng mạng lưới chợ (gồm cả chợ đầu mối), trung tâm thương mại, siêu thị; mạng lưới kinh doanh xăng dầu; Trung tâm hội chợ triển lãm; cửa hàng tiện lợi.

+ Hệ thống chợ trên địa bàn huyện hiện nay có 3 chợ xã (hạng 3) và 1 chợ thị trấn (hạng 2). Ngoài ra tại tất cả các trung tâm xã đều có các điểm thương mại và các điểm dân cư tập trung đều có các cửa hàng cửa hiệu buôn bán nhỏ. Các chợ hiện tại tập trung phân bố dọc theo Quốc lộ 25, chủ yếu phục vụ việc trao đổi hàng hóa trên địa bàn xã và địa bàn huyện.

VII. ĐÁNH GIÁ CÁC QUY HOẠCH VÀ CÁC DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI

1. Các quy hoạch của tỉnh

1.1. Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Định hướng phát triển, sắp xếp không gian.
- Phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.
- Bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

1.2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai đến năm 2020:

- Phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch vùng Tây Nguyên, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực.
- Khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của địa phương, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác với các địa phương trong vùng và cả nước; tập trung nghiên cứu để thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển hợp lý cả chiều rộng và chiều sâu; huy động, sử dụng tốt mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Điều chỉnh tạo sự phát triển hài hòa, hợp lý giữa các vùng trong Tỉnh, thu hẹp dần về khoảng cách và mức sống giữa các tầng lớp dân cư; chú trọng công tác xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, ổn định xã hội, tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc.

1.3. Quy hoạch ngành và các lĩnh vực:

- Quyết định số 525/QĐ- UBND tỉnh Gia Lai quyết định về việc phê duyệt “quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Gia Lai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 đã đề cập đến các kế đầu tư liên quan đến sự phát triển của huyện như: nâng cấp tuyến đường nối QL 25 vào hồ Ayun Hạ, đầu tư KDL sinh thái Ayun Hạ, bảo tồn và phát triển văn hoá làng Plei Oi; định hướng phát triển chung cho văn hoá đồng bào các dân tộc như du lịch côngnj đồng, du lịch trang trại, đầu tư phát huy bảo tồn các sản phẩm văn hoá vật thể và phi vật thể; và thị trường du lịch cũng như hướng hợp tác liên kết trong nước, khu vực và quốc tế.

- Quyết định 01/2015/QĐ-UBND tỉnh Gia lai ngày 14/04/2015 về việc phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Gia Lai đến năm 2025.

+ Với mục tiêu đảm bảo nước sinh hoạt, phân bổ hài hoà tài nguyên nước cho ngành nông nghiệp; khai thác, sử dụng trong đó phân vùng và phân bổ nguồn nước nhằm, nước mặt để cung cấp nước ổn định cho sinh hoạt cũng như sản xuất; đảm bảo lượng nước cho thượng và hạ lưu sông Ba, Sê san, Ia Mor - Ia Lốp, ổn định hệ sinh thái và duy trì dòng chảy các sông

+ Theo vùng quy hoạch thì huyện Phú Thiện thuộc vùng 3, vùng Ayun Hạ, tại đây cũng nêu các giải pháp phòng chống giảm thiểu lũ lụt, hạn hán và quy hoạch khai thác nước mặt vùng Ayun Hạ trong đó có huyện Phú thiện đến năm 2025.

- Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 16/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch

huyện Phú Thiện giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; trọng tâm là khai thác hiệu quả tuyến du lịch Phú Thiện - Chư Sê, phát triển nông nghiệp gắn với du lịch, mô hình Hợp tác xã nông nghiệp gắn với du lịch nông thôn;

2. Các quy hoạch của huyện Phú Thiện

2.1. Các quy hoạch đã triển khai trên địa bàn huyện:

Huyện Phú Thiện cơ bản đã thực hiện các quy hoạch xây dựng quan trọng định hướng phát triển trong giai đoạn 2010-2020 như nông thôn mới, quy hoạch thị trấn, quy hoạch cụm CN-TTCN, quy hoạch sử dụng đất, và quy hoạch ngành, chủ yếu là về du lịch:

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại các xã trên địa bàn huyện năm 2011.

- Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Thiện đến năm 2030;

- Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Phú Thiện về Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm Công nghiệp TTCN huyện Phú Thiện.

- Quyết định số 09a/QĐ-UBND UBND ngày 15/01/2018 của UBND huyện Phú Thiện về kế hoạch phát triển du lịch huyện Phú Thiện giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến 2030.

- Dự thảo đề án phát triển du lịch huyện Phú Thiện đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2035.

- Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 09/05/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

Các quy hoạch tạo tiền đề cho việc phát triển đô thị, xây dựng nông thôn, phát triển các vùng sản xuất và đầu tư hạ tầng kỹ thuật cũng như hạ tầng xã hội.

2.2. Quy hoạch nông thôn mới và chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới trên địa bàn huyện:

- Với quyết tâm cao của hệ thống chính trị và sự chung sức của người dân, chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Phú Thiện đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Phát huy thành tích đạt được, Đảng bộ, chính quyền địa phương đang đẩy mạnh xây dựng NTM nhằm cải thiện đời sống người dân.

- 03 giai đoạn xây dựng nông thôn mới:

+ Từ năm 2010 đến năm 2015: Việc xây dựng nông thôn mới được tiến hành cấp xã chưa tiến hành xây dựng thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới. Về quy hoạch xây dựng nông thôn mới 9/9 xã đã thực hiện và phê duyệt quy hoạch nông thôn mới năm 2011.

+ Giai đoạn 2016-2020: Thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng làng nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc

thiếu số, UBND huyện ban hành văn bản Hướng dẫn số 01/HD-VPĐP ngày 12/7/2018 của về việc hướng dẫn một số nội dung xây dựng làng Nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn huyện; đã xây dựng kế hoạch triển khai đối với thôn Plei Hek, Plei Pông, xã Chư A Thai, đến nay cơ bản các hạng mục về bố trí, sắp xếp nhà ở, di chuyển các hộ ở núi xuống; về cơ sở hạ tầng như đường giao thông, nước sinh hoạt, làm vườn rau, làm chuồng trại nuôi nhốt gia súc xa khu nhà ở, triển khai làm nhà vệ sinh, trồng cây xanh được quan tâm triển khai; các lĩnh vực về y tế, giáo dục được quan tâm cơ bản theo đúng tiêu chí quy định.

+ Giai đoạn 2020-2025: Xây dựng nông thôn mới (NTM) được huyện Phú Thiện (tỉnh Gia Lai) xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng. Vì thế, huyện đã tập trung nguồn lực để hoàn thành các tiêu chí thiếu hụt, đồng thời đề ra lộ trình cụ thể để từng địa phương về đích đúng tiến độ đề ra.

- Đến năm 2022, huyện có 5 xã đạt chuẩn NTM gồm: xã Ayun Hạ, xã Ia Sol, xã Ia Ake, xã Ia Piar và xã Chrôh Ponan và 14 thôn, làng đạt chuẩn NTM trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

*** Đánh giá thực hiện theo quy hoạch:**

Nhờ vào quy hoạch nông thôn mới và Chương trình mục tiêu Quốc Gia nông thôn mới mà bộ mặt huyện Phú Thiện đã thay đổi theo hướng tích cực kể từ khi thực hiện tách huyện. Là một huyện miền núi với nhiều dân tộc ít người, quá trình phát triển còn non trẻ nhưng đã có những tiến bộ đáng kể nhất là trong định hướng phát triển nông nghiệp. Lấy nông nghiệp làm trọng tâm là quyết định phát triển đúng đắn của huyện trong giai đoạn vừa qua.

Phấn đấu đến năm 2025 huyện Phú Thiện đạt huyện Nông thôn mới.

VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI CẦN GIẢI QUYẾT

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Kinh tế tăng trưởng nhưng chưa vững chắc, tái cơ cấu nông nghiệp vẫn còn gặp khó khăn, hạn chế: Việc thiết lập các chuỗi giá trị sản xuất các sản phẩm nông nghiệp để tạo ra giá trị gia tăng chưa cao. Một số Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động chưa hiệu quả; chất lượng một vài tiêu chí nông thôn mới chưa bền vững; công tác thu hồi đền bù đất, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư vào các dự án phát triển sản xuất, thương mại - dịch vụ còn hạn chế. Thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với mức bình quân của tỉnh. Phát triển du lịch còn hạn chế, chưa tạo ra được sản phẩm du lịch đặc trưng.

Đời sống của một bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế còn khó khăn.

Phần 3: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG CỦA VÙNG HUYỆN PHÚ THIỆN

I. QUAN ĐIỂM

- Xây dựng huyện Phú Thiện có bản sắc riêng, phù hợp với quy hoạch tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuân thủ các định hướng phát triển của các quy hoạch đã phê duyệt trên địa bàn tỉnh, huyện và vùng phụ cận có liên quan.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng NTM và bảo vệ môi trường.

- Phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn phù hợp với sự phân bố các vùng kinh tế và phù hợp với khả năng phát triển hạ tầng kỹ thuật trong vùng.

- Phát triển các ngành kinh tế trên cơ sở tiềm năng và lợi thế so sánh của huyện.

II. MỤC TIÊU

- Cụ thể hoá các chủ trương, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, của tỉnh Gia Lai và của huyện.

- Xác định các vùng động lực phát triển, mô hình phát triển không gian vùng. Định hướng quy hoạch tổ chức không gian hệ thống đô thị, phát triển dân cư, phân loại, phân cấp đô thị, xác định tính chất đô thị...

- Phát triển toàn diện, bền vững các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đô thị và NTM trên cơ sở khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế của địa phương.

- Xác định khung hạ tầng kỹ thuật chung của huyện, khớp nối với các quy hoạch chuyên ngành, tạo cơ sở phát triển hệ thống đô thị, cụm công nghiệp và các khu chức năng khác trong vùng huyện.

- Nâng cao vai trò, vị thế yếu tố văn hoá truyền thống và các yếu tố sinh thái nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Làm cơ sở để định hướng phát triển, triển khai các quy hoạch chuyên ngành, chương trình, kế hoạch, đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển. Làm công cụ quản lý đô thị, nông thôn, các khu chức năng và hệ thống các công trình chuyên ngành phát triển hài hòa, bền vững.

- Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn có thương hiệu, phát triển và giữ vững là vùng sản xuất lúa nước lớn nhất tỉnh Gia Lai.

- Đạt tiêu chuẩn huyện nông thôn mới.

III. TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG

- Là vùng có sự đô thị hóa trong chuỗi các đô thị dọc theo quốc lộ 25 nối thành phố Pleiku với tỉnh Phú Yên đồng thời kết nối với các đô thị phía Đông Gia Lai thông qua đường tỉnh 662B, đường Trường Sơn Đông, quốc lộ 19 đến thành phố Quy Nhơn trong hệ thống đô thị phát triển của tỉnh Gia Lai.

Là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của tỉnh Gia Lai: phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững và xây dựng thương hiệu sản phẩm, hình thành các sản phẩm chủ lực. Phát triển chăn nuôi theo hướng chăn nuôi

tập trung trang trại, gia trại gắn với ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất;

- Là vùng phát triển dịch vụ - du lịch: Đa dạng các sản phẩm du lịch thắng cảnh, sinh thái nghỉ dưỡng; du lịch văn hóa lễ hội,... có nhiều nét độc đáo của khu vực Tây Nguyên; Phát triển công nghiệp: tập trung phát triển công nghiệp chế biến, phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời);

- Là huyện đạt chuẩn nông thôn mới gắn với phát triển đồng bộ các lĩnh vực kinh tế xã hội;

- Là một trong các đầu mối giao thông của tỉnh Gia Lai trên tuyến Quốc lộ 25.

Phần 4: ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN; DỰ BÁO SƠ BỘ VỀ: DÂN SỐ, ĐẤT ĐAI, TỶ LỆ ĐÔ THỊ HÓA, PHÁT TRIỂN KINH TẾ; ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN CÁC CHỈ TIÊU VỀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT, HẠ TẦNG XÃ HỘI THEO TỪNG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN

I. CÁC TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN

1. Về vị trí

- Khu vực phía Bắc kết nối với thị trấn Chư Sê, phía Nam gắn kết với thị xã AyunPa qua QL 25.

- Nằm trên tuyến QL 25 và tuyến ĐT.662B nối QL 25 đi đường Trường Sơn Đông.

- Vị trí kết nối phát triển du lịch với huyện Chư Sê và thị xã AyunPa.



Sơ đồ vị trí Huyện Phú Thiện: cách thành phố Pleiku khoảng 70km, thị trấn Chư Sê 40km, phía Nam liền kề thị xã Ayun Pa

2. Đầu mối hạ tầng kỹ thuật

- Có tuyến Quốc lộ 25 đi qua dài 180,810 km, đây là một tuyến đường bộ Việt Nam nối Phú Yên thuộc duyên hải Nam Trung Bộ và Gia Lai thuộc Tây Nguyên. Quốc lộ 25 bắt đầu từ xã Hòa An, huyện Phú Hòa của tỉnh Phú Yên đến thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê (Km 69 - Km180+810) của tỉnh Gia Lai.

- Có tuyến ĐT 662B nối từ QL 25 đi đường Trường Sơn Đông.

- Là đầu mối hệ thống kênh thủy lợi Ayun Hạ.

3. Tiềm năng về tài nguyên

- Đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng, địa hình khá thuận lợi cho phát triển nông nghiệp theo hướng cánh đồng mẫu lớn.

- Đất đai, địa hình: Nằm trong vùng thung lũng sông Ayun.

- Tài nguyên khoáng sản: Phù hợp với phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng.
- Có tiềm năng phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản
- Tài nguyên nước: Sông suối với trải đều khắp huyện, hồ Ayun Hạ và hệ thống thủy lợi Ayun Hạ.
- Tài nguyên du lịch: Du lịch hồ Ayun Hạ, du lịch tâm linh, du lịch văn hoá.

II. ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

- Lợi thế về phát triển nông nghiệp với đất đai màu mỡ, địa hình bằng phẳng, mạng lưới kênh mương thủy lợi và sông suối dày, mật độ dân cư thấp thuận lợi áp dụng phương thức canh đồng mẫu lớn
- Tuyến QL 25 có vai trò quan trọng trong trình phát triển của huyện: thông thương hàng hoá, liên kết, gắn kết với các huyện thị xã khác.
- Huyện có thị trấn nằm trong chuỗi các đô thị dọc theo quốc lộ 25 nối thành phố Pleiku với tỉnh Phú Yên đồng thời kết nối với các đô thị phía Đông Gia Lai thông qua đường tỉnh 662B, đường Trường Sơn Đông, quốc lộ 19 đến thành phố Quy Nhơn trong hệ thống đô thị phát triển của tỉnh Gia Lai.
- Nét văn hoá đặc trưng gắn với huyền tích Vua Lửa giúp phát triển du lịch văn hoá và kết hợp với du lịch hồ Ayun Hạ để góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện.
- Với vị trí liền kề với thị xã Ayun Pa và mối liên hệ lịch sử lâu dài, huyện Phú Thiện sẽ góp phần để cùng với thị xã Ayun Pa là động lực Đông Nam của tỉnh Gia Lai.
- Phú Thiện nằm trong vùng 4 - Tiểu vùng phía Đông Nam, là vùng động lực phía Đông Nam của tỉnh, có vai trò là vùng sinh thái nằm trên hành đa dạng sinh học của vùng Đông Trường Sơn kết nối vùng sinh thái phía Đông Nam với khu kinh tế năng động vùng phía Tây của tỉnh; tạo thành một hành lang sinh thái xuyên suốt gắn với hệ sinh thái chung của Tỉnh, góp phần vào định hướng chung để Gia Lai trở thành “miền sinh thái trên Cao nguyên”

III. CÁC DỰ BÁO

1. Các dự báo phát triển vùng

1.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GTSX: Tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2030 đạt 11% trở lên.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản và tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ.

Đến năm 2025

- + Ngành Nông - lâm - thủy sản chiếm 42,32%
- + Ngành dịch vụ - thương mại chiếm 35,31%
- + Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 22,37%

Đến năm 2030

+ Ngành Nông - lâm - thủy sản chiếm 36,16%

+ Ngành dịch vụ - thương mại chiếm 39,69%

+ Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 24,15%

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trên 49 triệu đồng/người/năm, đến năm 2030 đạt trên 70 triệu đồng/người/năm.

1.2. Dự báo phát triển dân số, lao động

a) Dân số:

- Năm 2021 dân số trung bình của huyện Phú Thiện là 80.968 người, tỷ lệ tăng dân số là khoảng 1,46%.

- Dự báo dân số trung bình của huyện đến năm 2025 có khoảng 85.812 người và đến năm 2030 có khoảng 88.000 người.

Dự báo dân số, tốc độ tăng dân số huyện Phú Thiện

Số TT	Thời hạn	Dân số (người)	Tỷ lệ tăng (%)
1	Hiện trạng năm 2021	80.968	1,46
2	Đến năm 2025	85.812	<1,35
3	Đến năm 2030	88.000	1,5

b) Lao động:

+ Đến năm 2025 nguồn lao động trong độ tuổi có khoảng 55.778 người chiếm 65% dân số toàn huyện

+ Đến năm 2030 nguồn lao động trong độ tuổi có khoảng 59.840 người chiếm 68% dân số toàn huyện

2. Dự báo sử dụng đất

2.1. Quan điểm chung

- Sử dụng tiết kiệm đất đai, hợp lý, có hiệu quả, đáp ứng các nhu cầu theo định hướng phát triển kinh tế, xã hội một cách bền vững.

- Sử dụng đất phải thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của huyện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, khai thác có hiệu quả các nguồn lực, các lợi thế về tiềm năng đất đai.

- Sử dụng quỹ đất thích hợp và hợp lý để phát triển thị trấn và các xã. Đặc biệt là quỹ đất cho phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững lâu dài, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.

- Phân bổ, sử dụng linh hoạt diện tích đất nông nghiệp phù hợp theo từng giai đoạn phát triển, đảm bảo sản xuất đạt hiệu quả cao nhất.

- Khai thác sử dụng đất phải chú ý đến bảo vệ môi trường, đảm bảo môi trường ổn định và bền vững, kết hợp giữa trước mắt và lâu dài.

2.2. Dự báo quy hoạch sử dụng đất

- Đến năm 2025:

+ Đất xây dựng đô thị: 500 – 550ha

+ Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn (mới): 100 – 150ha

- Đến năm 2030:

+ Đất xây dựng đô thị: 550 – 600ha

+ Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn (mới): 150 – 200ha

(Các dự báo này sẽ được cụ thể hóa trong quá trình nghiên cứu lập đồ án quy hoạch)

3. Dự báo hệ thống đô thị

3.1. Phát triển hệ thống đô thị

Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng thị trấn Phú Thiện theo chương trình phát triển đô thị.

- Giai đoạn đến năm 2030 tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn còn yếu và thiếu của thị trấn Phú Thiện theo tiêu chuẩn đô thị loại IV.

3.2. Dự báo dân số đô thị huyện Phú Thiện đến năm 2030

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Hiện trạng Năm 2021	Dự báo	
				Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Dân số đô thị	Người	20.851	21.995	23.695
2	Dân số nông thôn	Người	60.117	63.817	64.305
3	Tỷ lệ đô thị hóa	%	25,75	25,63	26,93
	Tổng cộng	Người	80.968	85.812	88.000

IV. CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu kỹ thuật chính áp dụng tuân thủ quy định hiện hành QCVN01:2021/BXD, cụ thể như sau:

1. Chỉ tiêu hạ tầng xã hội:

+ Khu vực đô thị: chỉ tiêu áp dụng theo mục 2.3 QCVN01:2021/BXD.

+ Khu vực nông thôn: chỉ tiêu áp dụng theo quy hoạch xây dựng nông thôn theo mục 2.16 QCVN01:2021/BXD

TT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Chỉ tiêu áp dụng	
			GD 2022 - 2030	GD 2030 - 2050
I	Khu vực đô thị			
1	Giáo dục			
	- Trường mầm non (50 cháu/1000	m ² /cháu	>=12	>=12

TT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Chỉ tiêu áp dụng	
			GD 2022 - 2030	GD 2030 - 2050
	dân)			
	- Trường tiểu học (65 cháu/1000 dân)	m ² /cháu	>=10	>=10
	- Trường THCS (55 cháu/1000 dân)	m ² /cháu	>=10	>=10
	- Trường trung học phổ thông (40 cháu/1000 dân)	m ² /cháu	>=10	>=10
2	Y tế			
	- Bệnh viện đa khoa (4 giường/1 000 người)	m ² /giường bệnh	>=100	>=100
	- Trạm y tế xã (1 trạm/đơn vị ở)	m ² /trạm	>=500	>=500
3	Văn hóa TDTT			
	- Sân thể thao cơ bản (1ha/ctr)	m ² /người	>=0,6	>=0,6
	- Sân vận động (2,5ha/ctr)	m ² /người	>=0,8	>=0,8
	- Trung tâm văn hóa, TDTT đô thị (3ha/ctr)	m ² /người	>=0,8	>=0,8
	- Trung tâm văn hóa, TDTT đơn vị ở (1ctr/đơn vị ở)	m ² /ctr	>=5000	>=5000
	- Nhà văn hóa (8 chỗ/1000)	ha/ctr	>=0,5	>=0,5
	- Nhà thiếu nhi (2 chỗ/1000)	ha/ctr	>=1,0	>=1,0
4	Thương mại			
	- Chợ cấp đô thị (tối thiểu 01 ctr)	ha/ctr	>=1,0	>=1,0
	- Chợ đơn vị ở (tối thiểu 01 ctr/đơn vị ở)	m ² /ctr	>=2000	>=2000
II	Khu vực nông thôn			
1	Giáo dục			
	- Trường, điểm trường mầm non (50 hs/1000 dân, BK phục vụ <=2km)	m ² /chỗ	>=12	>=12
	- Trường, điểm trường tiểu học (65 hs/1000 dân, BK phục vụ <=2km)	m ² /chỗ	>=10	>=10

TT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Chỉ tiêu áp dụng	
			GD 2022 - 2030	GD 2030 - 2050
	- Trường trung học (55 hs/1000 dân)	m ² /chỗ	>=10	>=10
2	Y tế			
	Trạm y tế xã (1 trạm/xã)			
	- Không có vườn thuốc	m ² /trạm	>=500	>=500
	- Có vườn thuốc	m ² /trạm	>=1000	>=1000
3	Văn hóa, thể thao công cộng			
	- Nhà văn hóa	m ² /ctr	>=1000	>=1000
	- Nhà truyền thống	m ² /ctr	>=200	>=200
	- Thư viện	m ² /ctr	>=200	>=200
	- Hội trường	m ² /ctr	>=100	>=100
	- Cụm công trình, sân bãi thể thao	m ² /ctr	>=5000	>=5000
4	Chợ, cửa hàng dịch vụ			
	- Chợ (có thể bố trí cho xã hoặc liên xã)	m ²	>=1500	>=1500
	- Cửa hàng dịch vụ trung tâm (1 công trình / khu trung tâm)	m ²	>=300	>=300
5	Điểm bưu chính viễn thông			
	Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập Internet): 1 điểm/xã	m ² /điểm	>=150	>=150

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật trong quy hoạch vùng huyện Phú Thiện

TT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Chỉ tiêu áp dụng	
			GD 2022 - 2030	GD 2030 - 2050
1	Giao thông:			
	<i>Khu vực đô thị:</i>			

TT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Chỉ tiêu áp dụng	
			GĐ 2022 - 2030	GĐ 2030 - 2050
	- Mật độ đường (tính đến đường cấp khu vực)	km/km ²	>=6	>=8
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	>=18	>=18
	- Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /ng	>=7	>=9
	- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	>=3	>=5
	Khu vực nông thôn:			
	- Đường từ huyện đến xã, liên xã, đường từ xã xuống thôn	Cấp	>=VI (mặt đường >=5.5m nền đường >=7.5m)	>=VI (mặt đường >=5.5m, nền đường >=7.5m)
2	Cấp nước: 100% dân cư được cấp nước sạch hợp vệ sinh trong đó:			
	- Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	L/người/ngày	>=100	>=120
	- Tỷ lệ cấp nước	%	100	100
	- Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn (tập trung)	L/người/ngày	80	80
	- Tỷ lệ cấp nước	%	60	70
	- Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp	m ³ /ha	35	35
3	Thoát nước bản, quản lý CTR và nghĩa trang:			
	- Tiêu chuẩn nước thải dân dụng	% cấp nước	80%	80%
	- Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp (80% nước cấp)	m ³ /ha	80%	80%
	- Tiêu chuẩn CTR phát sinh đô thị	kg/ng/ng	0,8	0,9
	- Nông thôn		0,8	0,8
	- Nghĩa trang nhân dân	ha/10.000dân	0,4	0,4
4	Cấp điện:			

TT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Chỉ tiêu áp dụng	
			GĐ 2022 - 2030	GĐ 2030 - 2050
	- Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho đô thị	KW/ng/năm	400	1.000
	- Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho nông thôn	KW/ng/năm	240	500
	- Tiêu chuẩn cấp điện công nghiệp	KW/ha	160-350	160- 350
	- Tiêu chuẩn cấp điện TT công nghiệp	KW/ha	120-140	120- 140

(Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật dự kiến áp dụng ở trên có thể được thay đổi để phù hợp với thực tế trong quá trình nghiên cứu thực hiện đồ án).

Phần 5: NỘI DUNG, YÊU CẦU NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN PHÚ THIỆN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

I. YÊU CẦU MỨC ĐỘ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT, THU THẬP TÀI LIỆU, SỐ LIỆU, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÙNG HUYỆN

Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu có liên quan đến công tác đánh giá hiện trạng tự nhiên, phát triển kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn toàn huyện Phú Thiện:

- Đánh giá vị thế và mối liên hệ vùng: xác định vai trò và vị thế của huyện Phú Thiện trong mối quan hệ nội, ngoại vùng;

- Các điều kiện tự nhiên như: đặc điểm địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, tài nguyên nước, rừng. Các ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, môi trường và các hệ sinh thái,...

- Đánh hiện trạng kinh tế xã hội:

+ Về kinh tế: Đánh giá hiện trạng nền kinh tế, mức độ tăng trưởng kinh tế, giá trị sản xuất, bình quân thu nhập đầu người/năm, Hiện trạng cơ cấu kinh tế; chuyên dịch cơ cấu kinh tế, các cơ sở kinh tế chủ yếu phát triển vùng (khu kinh tế, khu công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, du lịch, thương mại,...);

+ Dân số (số hộ dân, cơ cấu dân số, cơ cấu lao động, đặc điểm phát triển), đặc điểm về văn hóa, dân tộc và phân bố dân cư;

+ Hiện trạng sử dụng đất và biến động từng loại đất; những vấn đề tồn tại trong việc sử dụng đất đai);

- Thực trạng phát triển đô thị - nông thôn: Đánh giá phân bố hệ thống các đô thị trong huyện, tính chất, chức năng, quy mô, tỷ lệ đô thị hóa, động lực phát triển, thực trạng quản lý đô thị... và một số vấn đề khác có liên quan.

- Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội

+ Đánh giá tổng quát mạng lưới công trình hạ tầng xã hội, như: nhà ở, công trình phục vụ công cộng về y tế, dịch vụ, thương mại, giáo dục đào tạo, văn hóa xã hội, thể dục thể thao...

- Hiện trạng hệ thống hạ tầng kinh tế:

+ Đánh giá tổng quát về mạng lưới công trình hạ tầng sản xuất, cụm công nghiệp;

+ Đánh giá tổng quát cơ sở vật chất phục vụ du lịch: các khu, cụm điểm du lịch, hạ tầng phục vụ du lịch;

+ Đánh giá các cơ sở thương mại dịch vụ;

+ Đánh giá sản xuất nông nghiệp, hạ tầng nông nghiệp.

- Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

+ Về giao thông: Phân tích đánh giá hiện trạng mạng lưới và các công trình giao thông hiện có, khả năng đáp ứng nhu cầu hiện tại và phát triển trong tương lai.

+ Về chuẩn bị kỹ thuật: Phân tích đánh giá địa hình, quỹ đất xây dựng thuận lợi, không thuận lợi, Hiện trạng nền xây dựng, cống thoát nước mưa (về mạng lưới, năng lực tiêu thoát...)

+ Về cấp nước.

Đánh giá tình hình nguồn nước mặt tại các lưu vực sông phụ lưu các sông chảy qua địa bàn huyện Phú Thiện và nguồn nước ngầm để xem xét khả năng cung cấp nước sinh hoạt. Đánh giá tình hình khả năng cung cấp nước các công trình đầu mối cấp nước cho đô thị và nông thôn trên địa bàn huyện Phú Thiện và tỷ lệ cung cấp nước sạch tại khu vực nông thôn.

+ Về thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang.

Nêu tình hình thoát nước thải sinh hoạt tại đô thị (thị trấn) và nông thôn. Đánh giá tình hình tỷ lệ xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp. Đánh giá tình hình gây ô nhiễm tại khu vực xả thải và xả thải y tế tại các bệnh viện.

Đánh giá tình hình chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị trên địa bàn huyện. Đánh giá tình hình thu gom và khả năng thu gom, xử lý chất thải rắn, rác thải y tế trên địa bàn toàn huyện.

+ Về cấp điện.

Đánh giá tình hình sử dụng điện năng trên địa bàn toàn tỉnh huyện và sử dụng điện tại đô thị. Đánh giá về nguồn điện, lưới điện 220kV, 110kV. Đánh giá tình hình hoạt động của nhà máy điện (nếu có).

Đánh giá tỷ lệ sử dụng điện đô thị, nông thôn,... Từ đó, xem xét khả năng chịu tải cũng như đáp ứng cung cấp điện để đưa ra phương án cung cấp điện trong tương lai.

+ Về hạ tầng viễn thông thụ động, khoa học công nghệ

+ Về môi trường.

Mô tả tổng quát và đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên (nước, không khí, đất, hệ sinh thái...) và môi trường xã hội. Đánh giá các nguồn xả thải tại khu vực đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, các điểm dân cư tập trung, các khu vực điểm thu gom và xử lý chất thải rắn có khả năng gây ô nhiễm, tại các trục giao thông có lưu lượng giao thông lớn có hiện tượng ô nhiễm cục bộ... Tình hình diễn biến suy thoái đa dạng sinh thái và đánh giá diễn biến thời tiết cực đoan như: hạn hán, sạt lở đất, lũ lụt trên địa bàn huyện. Từ đó, nhận diện các vấn đề tồn tại để đưa ra các giải pháp khắc phục trong tương lai.

- Rà soát các đồ án quy hoạch và các dự án đã và đang triển khai

Đồ án Quy hoạch chung thị trấn; Quy hoạch xây dựng các khu chức năng; Quy hoạch các xã nông thôn mới; Quy hoạch xây dựng các dự án phát triển trọng điểm khác...

- Đánh giá công tác thực hiện quy hoạch

- Đánh giá tổng hợp: Tổng hợp được các vấn đề hiện trạng. Lập phân tích về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức đối với các yếu tố nhằm phát triển thế mạnh của khu vực (SWOT). Đề xuất các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch

II. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN PHÚ THIỆN

- Tuân thủ Công văn số 233/SXD-QLQH ngày 10/02/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai về việc triển khai lập quy hoạch xây dựng vùng huyện trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Đảm bảo các yêu cầu quy định tại Nghị định Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ: tại điều 2 sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định Nghị định Số 44/2015/NĐ-CP và các nội dung có liên quan tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng

- Đảm bảo các yêu cầu về nội dung được quy định tại điều 4 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn, gồm:

1) Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch huyện; các căn cứ lập quy hoạch; vị trí, quy mô, phạm vi lập quy hoạch; quan điểm và mục tiêu phát triển của vùng.

2) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội vùng; hiện trạng phân bố đô thị và điểm dân cư nông thôn, sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch; hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và cấp huyện; hiện trạng tài nguyên và môi trường; hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch; đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3) Xác định động lực và tiềm năng phát triển của vùng; tác động của hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh đối với vùng lập quy hoạch.

4) Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, tỷ lệ đô thị hóa, nhu cầu sử dụng đất, bảo vệ môi trường;

5) Tổ chức phân vùng và yêu cầu quản lý, phát triển theo các phân vùng.

6) Định hướng phát triển không gian vùng huyện:

+ Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng;

+ Xác định các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển;

+ Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng; Ngoài ra còn Quy hoạch khu vực không được phép chăn nuôi, quy hoạch vùng nuôi chim yến theo quy định tại Nghị quyết số 127/2020/NQHĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Gia Lai; vùng chăn nuôi heo tập trung theo Quyết định số 210/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Xác định mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo địa giới hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị;

+ Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục, thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị;

+ Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong vùng.

7) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng về chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải, nghĩa

trang và hạ tầng viễn thông thụ động, khoa học công nghệ. Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất cấp vùng.

Về định hướng mạng lưới giao thông

* Giao thông đối ngoại: xác định quy mô mặt cắt tuyến QL 25 đoạn qua đô thị và ngoài đô thị, xác định quy mô mặt cắt và đề xuất nâng cấp mở rộng tuyến ĐT 662B.

* Giao thông đối nội:

Xác định hệ thống các trục đường huyện, đường xã, các trục đường liên quan đến đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển nông nghiệp, du lịch, công nghiệp.

Các định các công trình phục vụ giao thông như cầu, bến xe, trạm dừng nghỉ, Trạm xe bus.

Về định hướng quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng đô thị; xác định cao độ xây dựng không chế của từng khu vực, đô thị và các trục giao thông chính;

- Xác định các lưu vực, hướng thoát nước;

- Xác định các tuyến kênh, cống, suối, rạch thoát nước mưa cho vùng huyện Phú Thiện; quy mô các tuyến kênh, cống, v.v...

Về định hướng quy hoạch cấp nước sinh hoạt

- Xác định, tính toán nhu cầu dùng nước cho từng đối tượng sử dụng, xác định các nguồn nước khai thác, vị trí công trình cấp nước theo các bậc tin

cấp nước của từng giai đoạn, lựa chọn giải pháp cấp nước hợp lý cho từng khu vực, phân vùng cấp nước.

- Quy hoạch mạng lưới cấp nước cho toàn huyện đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, áp lực, lưu lượng trên toàn bộ vùng quy hoạch, định hướng kết nối với các hệ thống liên vùng, v.v...

Về định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Phân chia các lưu vực thoát nước chính, tính toán đưa ra các biện pháp thoát nước và xử lý cụ thể cho từng khu vực đảm bảo thu gom các loại nước thải (sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) phù hợp với quy mô, yêu cầu vệ sinh, điều kiện tự nhiên, hiện trạng và định hướng thoát nước cho đô thị, thị trấn cũng như các điểm dân cư nông thôn.

- Quy hoạch hệ thống mạng lưới thoát nước thải. Xác định quy mô, vị trí, công suất trạm xử lý nước thải.

- Xác định vị trí quy mô các trạm trung chuyển chất thải rắn của các khu công nghiệp, đô thị, vị trí quy mô các khu xử lý chất thải rắn.

- Xác định vị trí quy mô, quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa trong vùng.

Về định hướng quy hoạch cấp điện

- Xác định nguồn cung cấp điện, vị trí, quy mô các công trình đầu mối như nhà máy điện, trạm biến áp nguồn

- Dự báo nhu cầu dùng sử dụng điện, đề xuất giải pháp cấp điện lưới truyền tải và phân phối điện.

- Đến năm 2035, trạm biến áp 110kV Ayun Pa được nâng công suất từ 2x25MVA lên 2x40MVA. Ngoài ra, đến năm 2035, trên địa bàn huyện còn được đầu tư trạm biến áp 110kV Phú Thiện với công suất 2x40MVA.

- Lưới điện 110kV được thiết kế đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện và chất lượng điện năng trong chế độ làm việc bình thường và sự cố đơn lẻ theo các quy định hiện hành; phải đảm bảo dự phòng cho phát triển ở giai đoạn tiếp theo.

- Khu vực thị trấn, khu đô thị mới sử dụng máy biến áp 3 pha có công suất từ 250kVA đến 630kVA; khu vực còn lại sử dụng máy biến áp có gam công suất từ (50 đến 250)kVA đối với máy biến áp 3 pha và ≥ 50 kVA đối với máy biến áp 1 pha.

- Từng bước ngầm hoá lưới điện trung, hạ áp tại khu vực thị trấn, khu đô thị mới nơi có yêu cầu cao về mỹ quan đô thị; nhằm đảm bảo an toàn và hạn chế tác động xấu đến cảnh quan, môi trường.

- Về tiết diện dây dẫn của đường dây trung áp: Đường trục chính, sử dụng dây dẫn có tiết diện $\geq 120\text{mm}^2$; đường nhánh, sử dụng dây dẫn có tiết diện $\geq 70\text{mm}^2$.

Về quy hoạch hệ thống cấp nước, tiêu úng, thoát lũ phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai.

- Hệ thống cấp nước, tiêu úng, thoát lũ phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Xác định số lượng các công trình cần nâng cấp, đầu tư xây dựng mới.

8) Xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường; các dự án cần được nêu rõ quy mô đầu tư xây dựng, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn, thời điểm thực hiện.

- Xác định danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong kỳ quy hoạch trong các lĩnh vực: Các dự án HTKT đầu mối cấp vùng; các dự án phát triển sản xuất;

- Lồng ghép các hệ thống HTKT cấp tỉnh, quốc gia qua địa bàn, đã được khẳng định trong các quy hoạch cấp trên;

9) Đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Giải pháp quản lý phát triển vùng;

- Giải pháp quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên theo hướng phát triển bền vững;

- Giải pháp về xây dựng kinh tế - xã hội.

10) Đề xuất các giải pháp về bảo vệ môi trường trong vùng

- Dự báo tác động môi trường;

- Các vấn đề đã và chưa giải quyết trong đồ án quy hoạch;

- Các giải pháp bảo vệ môi trường.

Phần 6: HỒ SƠ SẢN PHẨM

Thành phần hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

I. HỒ SƠ SẢN PHẨM NHIỆM VỤ QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN:

1. Thuyết minh

- Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng kèm các văn bản pháp lý có liên quan, các bản đồ, sơ đồ có liên quan (thể hiện khổ giấy A3). Sử dụng bản đồ số hệ tọa độ VN2000;

- Dự thảo tờ trình thẩm định và phê duyệt;
- Dự thảo quyết định phê duyệt.

2. Bản vẽ

- Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng;
- Bản đồ ranh giới và phạm vi lập quy hoạch huyện.

Thể hiện trên nền bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn trong quy hoạch tỉnh theo tỷ lệ thích hợp.

II. HỒ SƠ SẢN PHẨM ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG

1. Văn bản

- Thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch xây dựng kèm các văn bản pháp lý có liên quan, các bản đồ, sơ đồ có liên quan (thể hiện khổ giấy A3 in màu);

- Dự thảo quy định quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng huyện;
- USB sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ quy hoạch.

2. Các bản vẽ

a) Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của vùng lập quy hoạch; các mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường trong quy hoạch tỉnh có ảnh hưởng tới vùng lập quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn trong quy hoạch tỉnh theo tỷ lệ thích hợp.

b) Bản đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên, hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất vùng lập quy hoạch; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và cấp huyện trên địa bàn. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000.

c) Bản đồ phân vùng quản lý phát triển: Xác định các phân vùng để quản lý; bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000.

d) Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng: Xác định không gian phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn; khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực phát

triển trung tâm: hành chính, thương mại - dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, nghiên cứu, đào tạo, y tế từ cấp huyện trở lên; vị trí trung tâm cụm xã, trung tâm xã; khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác theo các giai đoạn quy hoạch. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000

đ) Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật vùng: Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và cấp huyện theo từng chuyên ngành gồm chuẩn bị kỹ thuật, giao thông (đến cấp đường liên xã), hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động. Bản vẽ thể hiện trên nền sơ đồ định hướng phát triển không gian vùng kết hợp bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000.

(Thông nhất sử dụng bản đồ số hệ tọa độ VN2000)

III. DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP ĐỒ ÁN QHXD VÙNG HUYỆN

Kinh phí lập quy hoạch được lập theo bảng giá quy hoạch xây dựng được ban hành theo Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Tổng chi phí dự kiến lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Thiện là: 2.500.000.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm triệu đồng).

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn sự nghiệp Ngân sách Trung ương (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới).

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Thời gian lập quy hoạch không quá 12 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

V. LẤY Ý KIẾN VỀ ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

1. Trách nhiệm lấy ý kiến đồ án quy hoạch:

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện. Ủy ban nhân dân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tổ chức lập quy hoạch trong việc lấy ý kiến.

- Cơ quan, tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được lấy ý kiến để hoàn thiện đồ án quy hoạch; trường hợp không tiếp thu thì phải giải trình rõ bằng văn bản và nêu rõ lý do gửi cơ quan tổ chức thẩm định tổng hợp, xem xét, trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (UBND tỉnh).

- Các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ, giải trình, tiếp thu và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Hình thức, thời gian lấy ý kiến: Theo quy định tại Khoản 1, 4, 5 Điều 17 Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội. Cụ thể:

- Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về đồ án quy

hoạch xây dựng được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản hoặc góp ý kiến trực tiếp.

- Thời gian lấy ý kiến về quy hoạch xây dựng ít nhất là 20 ngày đối với cơ quan, 40 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

3. Tiếp thu ý kiến: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 17 Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội và quy định tại Điều 24 Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng. Cụ thể:

- Trong quá trình lập đề án quy hoạch xây dựng, các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư có liên quan phải được tổ chức tư vấn phối hợp với cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng hợp, giải trình bằng văn bản.

- Các nội dung góp ý phải được phân tích, giải trình đầy đủ, làm cơ sở hoàn chỉnh các phương án quy hoạch theo hướng đảm bảo sự phù hợp, có tính khả thi, hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và cộng đồng.

- Trường hợp không tiếp thu thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do trước khi phê duyệt quy hoạch.

- Văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến đối với đề án quy hoạch xây dựng là một thành phần của hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch : UBND huyện Phú Thiện.
- Cơ quan thẩm định : Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai.
- Cơ quan phê duyệt : UBND tỉnh Gia Lai.

Phần 7: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Thiện là đồ án có ý nghĩa quan trọng của huyện Phú Thiện nhằm cụ thể hoá các chủ trương, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai, Là công cụ điều phối, kiểm soát quá trình phát triển đô thị, nông thôn trên địa bàn huyện Phú Thiện, tiến đến mục tiêu là Huyện nông thôn mới vào năm 2025.

2. Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Thiện đã được tư vấn nghiên cứu lập đảm bảo đúng các quy định hiện hành và phù hợp với đặc điểm tình hình khu vực quy hoạch cũng như yêu cầu phát triển của huyện.

-----*****-----